

Canon

EOS-1D X Mark II

EOS-1D X Mark II (G)

**Hướng dẫn sử dụng mạng
LAN có dây**



**HƯỚNG DẪN
SỬ DỤNG**

Giới thiệu

Các tác vụ có thể thực hiện với chức năng mạng LAN có dây

Sử dụng chức năng mạng LAN có dây của máy ảnh để thực hiện các tác vụ sau:



Truyền qua FTP

Truyền ảnh đến máy chủ FTP



EOS Utility

Sử dụng EOS Utility để chụp, xem và tải ảnh từ xa



Máy chủ WFT

Sử dụng trình duyệt web để chụp, xem và tải ảnh từ xa



Smartphone

Sử dụng smartphone để chụp, xem và tải ảnh từ xa



Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh

Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh cùng model



Danh mục chương

| | | |
|-----------|--|------------|
| | Giới thiệu | 2 |
| 1 | Thiết lập mạng cơ bản | 7 |
| 2 | Truyền ảnh đến máy chủ FTP | 21 |
| 3 | Sử dụng EOS Utility để điều khiển từ xa | 39 |
| 4 | Sử dụng máy chủ WFT để điều khiển từ xa | 43 |
| 5 | Sử dụng smartphone để điều khiển từ xa | 59 |
| 6 | Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh | 67 |
| 7 | Ngắt kết nối và kết nối lại | 71 |
| 8 | Kiểm tra và thao tác thiết lập kết nối | 75 |
| 9 | Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực | 87 |
| 10 | Tham khảo | 103 |

Nội dung

| | |
|---|-----------|
| Giới thiệu | 2 |
| Danh mục chương | 3 |
| Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn..... | 6 |
| 1 Thiết lập mạng cơ bản | 7 |
| Kết nối cáp LAN | 8 |
| Chuẩn bị | 9 |
| Các thiết lập cơ bản của chức năng giao tiếp..... | 12 |
| Hiển thị trình hướng dẫn kết nối..... | 16 |
| 2 Truyền ảnh đến máy chủ FTP | 21 |
| Định cấu hình các thiết lập kết nối máy chủ FTP | 22 |
| Truyền ảnh riêng lẻ..... | 27 |
| Truyền một loạt..... | 32 |
| Xem ảnh đã truyền | 37 |
| 3 Sử dụng EOS Utility để điều khiển từ xa | 39 |
| Định cấu hình các thiết lập kết nối EOS Utility | 40 |
| Sử dụng EOS Utility | 42 |
| 4 Sử dụng máy chủ WFT để điều khiển từ xa | 43 |
| Định cấu hình các thiết lập kết nối máy chủ WFT | 44 |
| Hiển thị máy chủ WFT | 46 |
| Xem ảnh | 49 |
| Chụp từ xa [Camera control] | 51 |
| Chụp từ xa [Simple control] | 56 |
| 5 Sử dụng smartphone để điều khiển từ xa | 59 |
| Định cấu hình thiết lập kết nối smartphone | 60 |
| Sử dụng smartphone để thao tác với máy ảnh | 62 |
| Chỉ định ảnh có thể xem..... | 64 |

6 Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh 67

| | |
|-------------------|----|
| Đồng bộ giờ | 68 |
|-------------------|----|

7 Ngắt kết nối và kết nối lại 71

| | |
|-------------------|----|
| Ngắt kết nối..... | 72 |
| Kết nối lại | 73 |

8 Kiểm tra và thao tác thiết lập kết nối 75

| | |
|--|----|
| Hiển thị màn hình thiết lập kết nối..... | 76 |
| Thay đổi thiết lập..... | 78 |
| Lưu và tải thiết lập | 82 |
| Màn hình thiết lập chức năng..... | 84 |

9 Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực 87

| | |
|--|-----|
| Xử lý thông báo lỗi..... | 88 |
| Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực..... | 100 |
| Kiểm tra thiết lập mạng..... | 101 |


10 Tham khảo 103

| | |
|---|-----|
| Tạo và đăng ký chú thích | 104 |
| Thiết lập địa chỉ IP bằng tay..... | 106 |
| Thông số kỹ thuật của mạng LAN có dây | 108 |
| Chỉ mục..... | 113 |


Các quy ước sử dụng trong hướng dẫn


- Trong hướng dẫn này, thuật ngữ “điểm truy cập” chỉ các điểm truy cập mạng LAN không dây, bộ định tuyến LAN không dây, v.v... có chức năng chuyển tiếp kết nối mạng LAN.
- Bạn nên thực hiện theo các hướng dẫn này chỉ sau khi đã thiết lập môi trường mạng LAN và máy chủ FTP. Để tìm hiểu về quy trình thiết lập môi trường, tham khảo tài liệu kèm theo mỗi thiết bị hoặc liên hệ với nhà sản xuất.
- Đọc Hướng dẫn sử dụng máy ảnh và làm quen với máy trước khi thực hiện theo hướng dẫn về tùy chọn máy ảnh.

Biểu tượng sử dụng trong hướng dẫn

< > : Biểu thị nút xoay chính.


< > : Biểu thị nút xoay điều khiển nhanh.


< > : Biểu thị điều khiển đa năng.

< > : Biểu thị nút thiết lập.

* Ngoài ra, các biểu tượng và ký hiệu sử dụng trên nút máy ảnh và hiển thị trên màn hình LCD cũng được sử dụng trong hướng dẫn này khi đề cập đến các thao tác và chức năng liên quan.

(tr.**): Số trang tham khảo để tìm hiểu thông tin.

 : Cảnh báo để tránh các sự cố có khả năng phát sinh trong quá trình thao tác.

 : Thông tin bổ sung.

Giả định cơ bản

- Mọi thao tác mô tả trong hướng dẫn này giả định rằng công tắc nguồn đang đặt thành <ON>.
- Giả định tất cả thiết lập menu và chức năng tùy chỉnh, v.v... đã đặt ở chế độ mặc định.

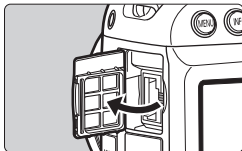
- Bạn phải nắm rõ cách định cấu hình mạng LAN có dây và máy chủ FTP để thực hiện truyền ảnh, chụp từ xa hoặc xem ảnh. Canon không hỗ trợ định cấu hình mạng LAN có dây hoặc máy chủ FTP.
- Lưu ý rằng Canon không chịu trách nhiệm cho bất kỳ tổn thất hoặc hư hại nào đối với máy ảnh do thiết lập mạng hoặc máy chủ FTP không đúng cách. Ngoài ra, Canon không chịu trách nhiệm cho các tổn thất hoặc hư hại khác do sử dụng máy ảnh.
- Khi sử dụng chức năng mạng LAN có dây, bạn có thể tùy ý thiết lập biện pháp bảo mật phù hợp và chịu trách nhiệm về mọi rủi ro. Canon không chịu trách nhiệm cho các tổn thất hoặc hỏng hóc do việc truy cập trái phép hoặc các lỗi hỏng bảo mật khác.

1

Thiết lập mạng cơ bản

Hoàn tất thiết lập mạng cơ bản bằng màn hình menu trên LCD máy ảnh.

Kết nối cáp LAN



Kết nối với cáp LAN

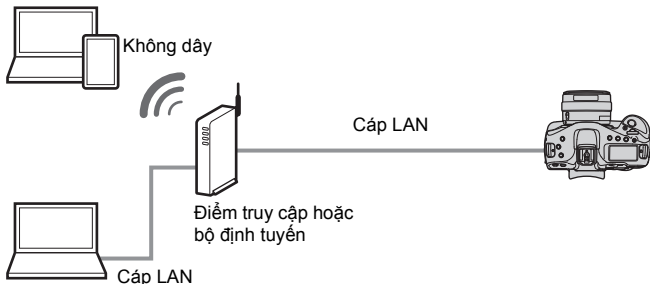
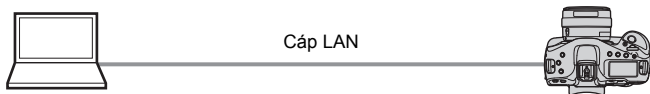
- Mở nắp cổng kết nối của Ethernet RJ-45, kết nối máy ảnh với máy tính, điểm truy cập v.v...có cáp LAN.

Cáp LAN

Sử dụng cáp Gigabit Ethernet có tiêu chuẩn bảo vệ STP (Shielded Twisted Pair) 5e hoặc cao hơn.

Kiểu kết nối

Có thể sử dụng các kiểu kết nối dưới đây để kết nối máy ảnh với máy tính, smartphone, v.v... qua mạng LAN.



Chuẩn bị

Hướng dẫn kết nối sẽ giúp bạn kết nối máy ảnh với mạng đã thiết lập. Kết nối trước một thiết bị (như máy tính hoặc smartphone) với mạng, để sau đó có thể kết nối với máy ảnh.

- **[FTP trans. (Truyền qua FTP)]**

Bạn có thể truyền ảnh đã chụp đến máy chủ FTP.

Bạn có thể thiết lập tự động truyền ảnh sau khi chụp, hoặc có thể chọn ảnh cần truyền sau đó.

Hệ điều hành của máy tính

Yêu cầu có một trong các hệ điều hành sau được cài đặt trong máy tính để sử dụng chức năng **[FTP trans. (Truyền qua FTP)]**. Ngoài ra, máy tính phải được thiết lập thành máy chủ FTP trước.

- **Windows 8, Windows 8 Pro, Windows 8.1, Windows 8.1 Pro**
- **Windows 7 (Professional, Enterprise hoặc Ultimate Edition cho hệ thống 32 hoặc 64 bit)**
- **Windows Vista (Business, Enterprise, or Ultimate Edition cho hệ thống 32 hoặc 64 bit)**

Để tìm hiểu hướng dẫn về quy trình thiết lập máy tính thành máy chủ FTP, tham khảo tài liệu kèm theo mỗi thiết bị hoặc liên hệ với nhà sản xuất.

Lưu ý rằng không thể sử dụng các hệ điều hành sau do chức năng máy chủ FTP không được cung cấp.

- **Windows 7 Home Premium**
- **Windows Vista Home Premium hoặc Home Basic Edition**

- **[EOSUtility]**

Bạn có thể sử dụng EOS Utility (Phần mềm EOS) để thực hiện chụp từ xa qua mạng LAN có dây.

Ngoài chụp từ xa, hầu hết tất cả các thao tác máy ảnh của EOS Utility đều được hỗ trợ do tùy chọn này sử dụng mạng LAN có dây thay vì cáp nối.

Yêu cầu có máy tính đã lắp EOS Utility (Phần mềm EOS).

- **[WFTserver (Máy chủ WFT)]**

Bạn có thể thực hiện chụp từ xa nâng cao hoặc xem ảnh được lưu trong máy ảnh bằng cách kết nối với máy ảnh từ trình duyệt web trên máy tính, smartphone hoặc các thiết bị khác một cách dễ dàng giống như truy cập trang web.

Trình duyệt

Các hệ điều hành và trình duyệt web sau đã được xác nhận tương thích với máy ảnh này. Tùy thuộc vào môi trường máy tính, thao tác có thể khác nhau.

- Windows 8.1, Windows 7: Google Chrome Ver. 44
- Windows 8.1, Windows 7: Internet Explorer 11
- OS X (phiên bản hệ điều hành 10.10): Safari Ver. 8.0
- iOS (phiên bản hệ điều hành 8.4): Safari
- Android (phiên bản hệ điều hành 4.4): Google Chrome

* Thao tác trên các hệ điều hành và trình duyệt web trên không đảm bảo có thể thực hiện ở tất cả thiết bị đầu cuối.

* Không thể sử dụng trừ khi trình duyệt web được phép tải cookie.

* Không thể sử dụng trừ khi trình duyệt web được phép tải JavaScript.

* Không thể phát lại phim trừ khi trình duyệt web hỗ trợ HTML 5.

● [Smartphone]

Bạn có thể thực hiện chụp từ xa cơ bản hoặc xem ảnh được lưu trong máy ảnh trên smartphone hoặc máy tính bảng.

Để sử dụng chức năng này, bạn phải kết nối máy ảnh với điểm truy cập qua mạng LAN có dây.

Ngoài ra, smartphone chạy hệ điều hành iOS hoặc Android **cần cài đặt ứng dụng chuyên dụng Camera Connect (miễn phí)**.

- Tải xuống ứng dụng Camera Connect từ App Store hoặc Google Play.
- Để tìm hiểu về các phiên bản hệ điều hành được Camera Connect hỗ trợ, tham khảo trang web tải ứng dụng Camera Connect.
- Giao diện và chức năng của máy ảnh và Camera Connect sẽ thay đổi do cập nhật firmware cho máy ảnh hoặc cập nhật cho các ứng dụng Camera Connect, iOS, Android, v.v... Trong trường hợp này, đặc tính của máy ảnh hoặc Camera Connect có thể khác với màn hình mẫu hoặc hướng dẫn thao tác trong sách hướng dẫn này.

Trong hướng dẫn này và trên màn hình LCD của máy ảnh, “smartphone” biểu thị smartphone và máy tính bảng.

● [Sync time between cameras (Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh)]

Bạn có thể thiết lập giờ máy ảnh chủ trên tối đa 10 máy ảnh khách.

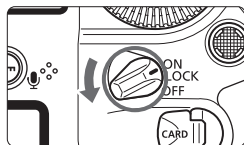
Lưu ý rằng ngay cả sau khi đồng bộ giờ, giữa giờ máy chủ và giờ máy khách vẫn có chênh lệch nhỏ, tối đa là 0,05 giây.

Thiết lập nhiều máy ảnh cùng model máy.

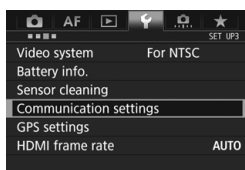
Các thiết lập cơ bản của chức năng giao tiếp

Trước hết, định cấu hình các thiết lập cơ bản của chức năng giao tiếp.

Thiết lập chức năng giao tiếp

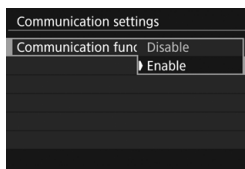


1 Bật máy ảnh.



2 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Nhấn nút <MENU> trên máy ảnh.
- Trong tab [F3], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.



3 Chọn [Enable (Bật)] trong [Communication func (Chức năng giao tiếp)].

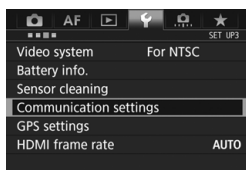
- ▶ [Network settings (Thiết lập mạng)] đã sẵn dùng.

⚠ Nếu [📷 1: Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)] được đặt thành thiết lập khác ngoài [Disable (Tắt)], bạn không thể chọn [F3: Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

Đăng ký tên

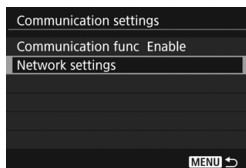
Đặt tên (để nhận biết) cho máy ảnh.

Khi máy ảnh được kết nối với thiết bị khác thông qua mạng LAN không dây, tên máy ảnh sẽ hiển thị trên thiết bị.



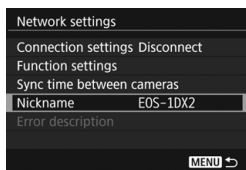
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [43], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

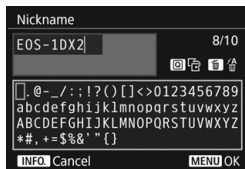


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

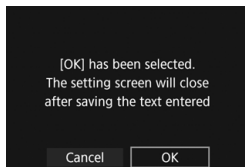


3 Chọn [Nickname (Tên)].



4 Nhập tên.

- Để tìm hiểu hướng dẫn về cách nhập ký tự, tham khảo trang tiếp theo.
- Nhập bất kỳ ký tự nào với độ dài từ 1 đến 10 ký tự.



5 Thoát thiết lập.

- Khi hoàn tất quá trình nhập tên, nhấn nút <MENU>.
- Chọn **[OK]** trên hộp thoại xác nhận và nhấn <Ⓔ> để quay trở về màn hình menu.

Đã hoàn tất các thiết lập cơ bản của chức năng giao tiếp.

Để tìm hiểu về chức năng đồng bộ giờ giữa các máy ảnh, tham khảo phần giải thích ở trang 67. Để tìm hiểu về các chức năng khác, tham khảo phần giải thích ở trang 16.

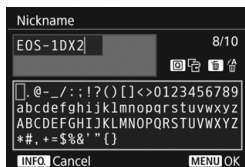


Bởi vì tên là thông tin bắt buộc để kết nối mạng LAN, bạn không thể xóa tất cả các ký tự.



Tên sẽ được hiển thị mặc định là tên máy ảnh.

Thao tác với bàn phím ảo



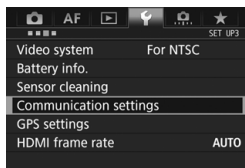
- **Thay đổi vùng nhập**
Nhấn nút <Q> để chuyển giữa vùng nhập trên cùng và dưới cùng.
- **Di chuyển con trỏ**
Sử dụng <⌂> hoặc <⌂> trong vùng trên cùng để di chuyển con trỏ.

- **Nhập văn bản**
Trong vùng dưới cùng, sử dụng <⌂> hoặc <⌂> để chọn ký tự, rồi nhấn <SET> để nhập.
Bạn có thể kiểm tra số ký tự đã nhập và số ký tự còn có thể nhập bằng cách chọn [*/] ở phía trên bên phải màn hình.
- **Xóa ký tự**
Nhấn nút <⌂> để xóa ký tự.
- **Kết thúc nhập văn bản**
Nhấn nút <MENU> để xác nhận nội dung đã nhập và thoát. Khi hộp thoại xác nhận hiển thị, chọn [OK] để thoát.
- **Hủy bỏ nhập văn bản**
Nhấn nút <INFO.> để hủy nhập văn bản và thoát. Khi hộp thoại xác nhận hiển thị, chọn [OK] để thoát.

Hiện thị trình hướng dẫn kết nối

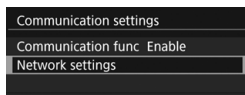
Phần này mô tả quá trình thực hiện hướng dẫn kết nối. Nếu thông tin lỗi hiển thị, tham khảo phần “Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực” ở chương 9 (tr.87) và kiểm tra thiết lập.

- Nhấn nút chụp hoặc các nút điều khiển máy ảnh khác trong quá trình định cấu hình theo hướng dẫn kết nối sẽ làm tắt hướng dẫn kết nối. Không nhấn nút chụp hoặc các điều khiển khác cho đến khi hoàn tất cấu hình.
- Trong tab [🔧], đặt [Auto power off (Tự động tắt nguồn)] thành [Disable (Tắt)]. Nếu bật chức năng tự động tắt nguồn, hướng dẫn kết nối sẽ bị tắt trong quá trình định cấu hình.



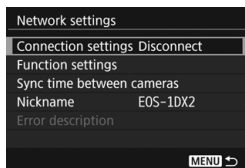
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [🔧], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

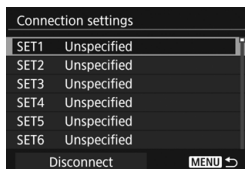


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

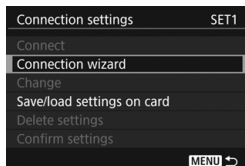
- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



3 Chọn [Connection settings (Thiết lập kết nối)].



4 Chọn [SET*].



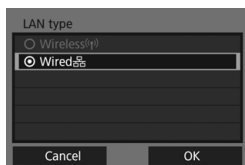
5 Chọn [Connection wizard (Trình hướng dẫn kết nối)].

- Màn hình [Select communication method (Chọn phương pháp giao tiếp)] sẽ hiển thị.
- ▶ Đền <LAN> trên máy ảnh sẽ nhấp nháy màu xanh lá cây.



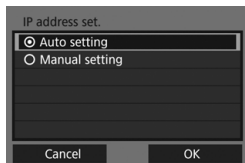
6 Chọn phương pháp giao tiếp.

- Tham khảo trang 9 để chọn phương pháp giao tiếp.
- Chọn [OK] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.



7 Chọn [Wired (Có dây)].

- Chọn [OK] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.



8 Chọn [Auto setting (Thiết lập tự động)].

- Chọn **[OK]** và nhấn **<SET>** để hiển thị màn hình thiết lập cho phương pháp giao tiếp (tr.19).
- Nếu **[Auto setting (Thiết lập tự động)]** xuất hiện lỗi hoặc nếu bạn muốn chỉ định thiết lập bằng tay, tham khảo trang 106.

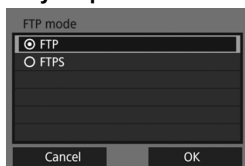


Địa chỉ IP chỉ có thể được thiết lập tự động trong môi trường sử dụng máy chủ DHCP, điểm truy cập hoặc bộ định tuyến có chức năng máy chủ DHCP, trong các môi trường này, địa chỉ IP và các thiết lập liên quan được tự động chỉ định và định cấu hình.

Hoàn tất thiết lập cho phương pháp giao tiếp

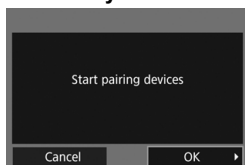
Các hướng dẫn sau dành cho màn hình thiết lập có thay đổi tùy thuộc vào phương pháp giao tiếp. Tham khảo trang giới thiệu phương pháp giao tiếp đã chọn.

Truyền qua FTP



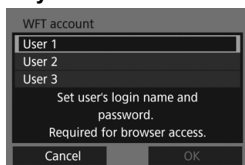
Chương 2 (tr.21)

EOS Utility



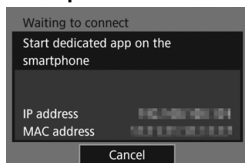
Chương 3 (tr.39)

Máy chủ WFT



Chương 4 (tr.43)

Smartphone



Chương 5 (tr.59)

This image shows a single sheet of white paper with horizontal ruling lines. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

2

Truyền ảnh đến máy chủ FTP

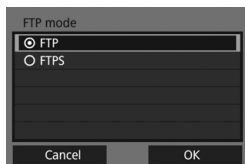
Sau khi kết nối với máy chủ FTP, bạn có thể truyền ảnh đã lưu trong máy ảnh đến máy tính.

Với truyền qua FTP, bạn có thể tự động truyền ảnh đến máy chủ FTP mỗi lần chụp hoặc truyền nhiều ảnh cùng một lúc.

- Hướng dẫn trong chương này được tiếp tục từ chương 1.

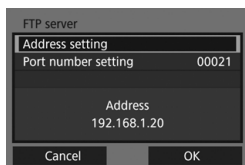
Định cấu hình các thiết lập kết nối máy chủ FTP

Hướng dẫn này là phần tiếp theo của chương 1.



1 Chọn chế độ FTP.

- Để sử dụng chứng nhận gốc để thiết lập biện pháp bảo mật cho truyền qua FTP, chọn **[FTPS]**.
- Để tìm hiểu thiết lập chứng nhận gốc, tham khảo trang 25.
- Chọn **[OK]** và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.



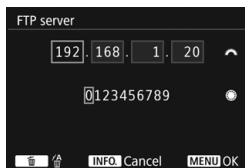
2 Chọn **[Address setting (Thiết lập địa chỉ)]**.

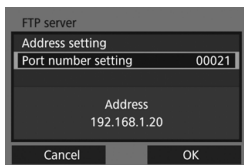
- ▶ Bàn phím ảo sẽ hiển thị.



3 Nhập tên máy chủ hoặc địa chỉ IP của máy chủ FTP.

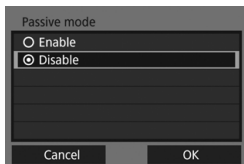
- Nếu đã đặt thiết lập địa chỉ IP thành **[Auto setting (Thiết lập tự động)]** hoặc đặt thiết lập địa chỉ DNS thành **[Manual setting (Thiết lập bằng tay)]**, màn hình bên trái sẽ hiển thị.
- Để tìm hiểu hướng dẫn về các thao tác với màn hình, tham khảo “Thao tác bàn phím ảo” (tr.15).
- Nếu bạn đã đặt thiết lập địa chỉ DNS thành **[Disable (Tắt)]**, màn hình bên trái sẽ hiển thị.
- Xoay nút xoay <Sun icon> để di chuyển vị trí nhập trong khu vực phía trên và xoay nút xoay <Circle icon> để chọn số. Nhấn <SET> để nhập số được chọn.





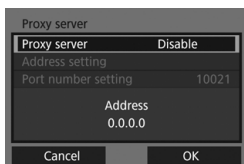
4 Đặt mã số cổng.

- [**Port number setting (Thiết lập số cổng)**] thường là 00021.
- Chọn [**OK**] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.



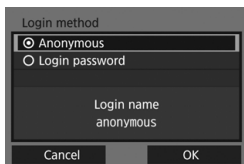
5 Đặt thiết lập chế độ thụ động.

- Chọn [**OK**] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.
- Nếu lỗi 41 ("Không thể kết nối đến máy chủ FTP") hiển thị ở bước 8, đặt [**Passive mode (Chế độ thụ động)**] thành [**Enable (Bật)**] có thể giải quyết lỗi.



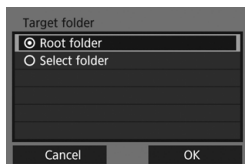
6 Đặt máy chủ proxy.

- Chọn [**OK**] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.



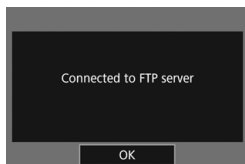
7 Đặt phương pháp đăng nhập.

- Chọn [**OK**] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.



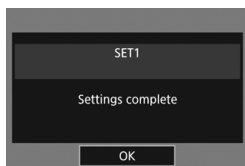
8 Đặt thư mục đích.

- Chọn [**Root folder (Thư mục gốc)**] để lưu ảnh vào thư mục gốc như chỉ định trong thiết lập máy chủ FTP (tr.37).
- Chọn [**Select folder (Chọn thư mục)**] để chỉ định thư mục đích trong thư mục gốc. Nếu không có thư mục, một thư mục mới sẽ tự động được tạo.
- Chọn [**OK**] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.
- ▶ Đèn <LAN> trên máy ảnh sẽ chớp sáng màu xanh lá cây.



9 Chọn [OK].

- Nhấn <SET>. Màn hình hoàn tất kết nối sẽ xuất hiện.



10 Chọn [OK].

- Nhấn <SET> để trở về màn hình [**Network settings (Thiết lập mạng)**].

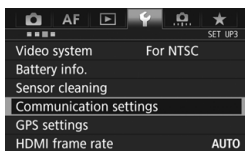
Các thiết lập kết nối cho truyền qua FTP đã hoàn tất.

Trong khi truyền ảnh, đèn <LAN> trên máy ảnh sẽ nhấp nháy màu xanh lá cây.

Nhập chứng nhận gốc dành cho FTPS

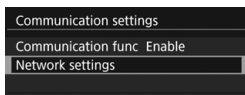
Nếu chế độ FTP được đặt thành [FTPS] khi định cấu hình thiết lập kết nối, bạn phải nhập chứng nhận gốc giống như máy chủ FTP.

- Chỉ có thể nhập chứng nhận gốc có tên tập tin là “root.cer”, “root.crt” hoặc “root.pem” vào máy ảnh.
- Chỉ có thể nhập một tập tin chứng nhận gốc vào máy ảnh.
Lắp trước thẻ có chứa tập tin chứng nhận gốc.



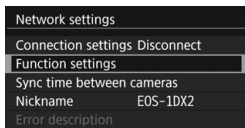
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [43], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

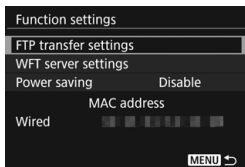


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

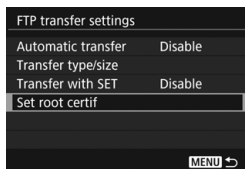
- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



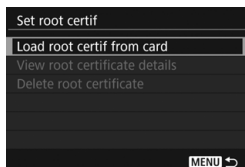
3 Chọn [Function settings (Thiết lập chức năng)].



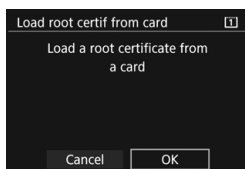
4 Chọn [FTP transfer settings (Thiết lập truyền qua FTP)].



5 Chọn [Set root certif (Đặt chứng nhận gốc)].




6 Chọn [Load root certif from card (Tải chứng nhận gốc từ thẻ)].



7 Chọn [OK].

- ▶ Chứng nhận gốc đã được nhập.
- Chọn **[OK]** trên hộp thoại xác nhận để trở về màn hình **[Set root certif (Đặt chứng nhận gốc)]**.

- Chọn **[Delete root certificate (Xóa chứng nhận gốc)]** trên màn hình ở bước 6 để xóa chứng nhận gốc đã nhập vào máy ảnh. Chọn **[View root certificate details (Xem chi tiết chứng nhận gốc)]** để kiểm tra cơ quan phát hành, người sở hữu, thời gian hiệu lực và các thông tin khác.

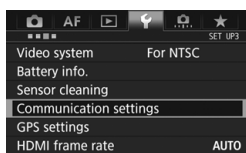
 Bạn có thể nhập chứng nhận từ thẻ được chọn cho **[Record/play (Ghi/phát)]** hoặc **[Playback (Phát lại)]** trong tab **[F1: Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)]**.

Truyền ảnh riêng lẻ

Truyền ảnh tự động sau mỗi lần chụp

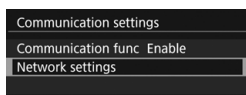
Ảnh có thể được tự động truyền đến máy chủ FTP ngay sau khi chụp. Bạn cũng có thể tiếp tục chụp ảnh ngay cả khi đang truyền ảnh.

- Trước khi chụp, đảm bảo thẻ đã được lắp vào máy ảnh. Nếu chụp mà không ghi ảnh, ảnh sẽ không được truyền.
- Lưu ý rằng máy ảnh không hỗ trợ tự động truyền phim trong khi chụp. Truyền phim sau khi chụp như mô tả ở trang 32-36.



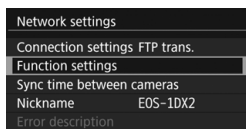
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [43], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

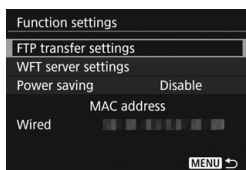


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

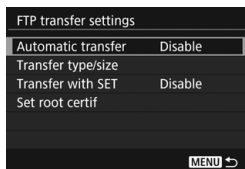
- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



3 Chọn [Function settings (Thiết lập chức năng)].

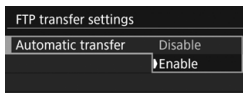


4 Chọn [FTP transfer settings (Thiết lập truyền qua FTP)].



5 Chọn [Automatic transfer (Truyền tự động)].

- Chọn [Enable (Bật)].



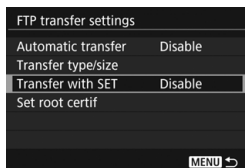
6 Chụp ảnh.

- ▶ Ảnh chụp được truyền đến máy chủ FTP.

- Trong khi chụp liên tục, ảnh được truyền đến máy chủ FTP theo thứ tự chụp.
- Ảnh chụp cũng sẽ được lưu vào thẻ.
- Nếu việc truyền thất bại hoặc bị gián đoạn, các ảnh sẽ được tự động truyền tiếp khi khôi phục kết nối (tr.31). Các ảnh này cũng có thể được truyền lại một loạt bằng tay sau đó (tr.32).

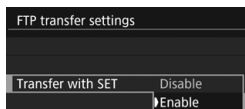
Truyền ảnh hiện tại

Đơn giản chỉ cần xem lại ảnh và nhấn <SET> để truyền. Bạn cũng có thể tiếp tục chụp ảnh ngay cả khi đang truyền ảnh.



1 Chọn [Transfer with SET (Truyền với SET)].

- Trên màn hình thiết lập truyền qua FTP, chọn [Transfer with SET (Truyền với SET)].
- Chọn [Enable (Bật)].

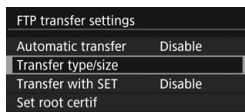


2 Chọn ảnh.

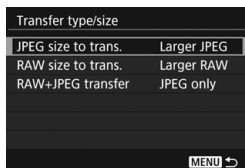
- Nhấn nút <▶> trên máy ảnh.
- Chọn ảnh cần truyền, rồi nhấn <SET> để truyền ảnh.
- **Không thể truyền phim theo cách này. Chọn phim và nhấn <SET> sẽ hiển thị bảng điều khiển phát lại phim.**

Chọn cỡ riêng hoặc kiểu riêng cho ảnh cần truyền

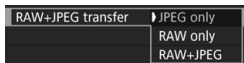
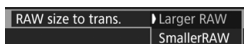
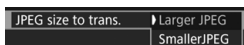
Bạn có thể chọn ảnh cần truyền khi ghi cùng lúc ảnh khác cỡ vào thẻ CF và thẻ CFast, hoặc khi chụp với chất lượng ảnh RAW+JPEG. Chọn [**Transfer type/size (Kiểu/kích cỡ truyền)**] ở bước 5 của trang 28 để chọn cỡ ảnh hoặc kiểu ảnh cần truyền.



1 Chọn [**Transfer type/size (Kiểu/kích cỡ truyền)**].

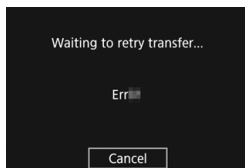


2 Chọn cỡ ảnh và kiểu ảnh cần truyền.



- Khi máy ảnh được cài đặt để ghi ảnh JPEG lớn hơn vào hoặc thẻ CF hoặc thẻ CFast và ghi ảnh JPEG nhỏ hơn vào thẻ còn lại, bạn cần đặt [**JPEG size to trans. (Kích thước JPG để truyền)**] thành [**SmallerJPEG (JPEG nhỏ hơn)**] để truyền ảnh JPEG nhỏ hơn.
- Khi máy ảnh được cài đặt để ghi ảnh RAW vào hoặc thẻ CF hoặc thẻ CFast và ghi ảnh JPEG vào thẻ còn lại, chỉ định ảnh cần truyền trong thiết lập [**RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)**]. Tương tự, hoàn tất thiết lập như vậy khi các ảnh RAW+JPEG được ghi cùng lúc vào cùng một thẻ.
- Khi ảnh cùng cỡ được ghi cùng lúc vào cả thẻ CF và thẻ CFast, các ảnh được ghi vào thẻ đã chọn cho thiết lập [**Record/play (Ghi/phát)**] hoặc [**Playback (Phát lại)**] trong [**Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)**] của tab [**1**] sẽ được truyền.

Tự động thử lại nếu truyền thất bại



Nếu truyền thất bại, đèn <LAN> trên máy ảnh sẽ nhấp nháy màu đỏ. Trong trường hợp này, nhấn nút <MENU>, chọn **[Communication settings (Thiết lập giao tiếp)]** trong tab **[43]**, rồi nhấn <SET>. Khi màn hình bên trái hiển thị, kiểm tra số mã lỗi và tham khảo trang 88 để loại trừ nguyên nhân lỗi.

Sau khi loại trừ nguyên nhân lỗi, các ảnh truyền thất bại trước đó sẽ được tự động truyền lại. Nếu bật chức năng này, việc truyền sẽ tự động thử lại sau khi thất bại, bất kể khi đang sử dụng truyền tự động hay đang truyền ảnh chụp qua FTP. Lưu ý rằng khi hủy truyền ảnh hoặc tắt máy ảnh, ảnh sẽ không được tự động truyền lại. Tham khảo trang 32 và truyền ảnh.



Bằng cách thiết lập chức năng tiết kiệm pin trên màn hình **[Function settings (Thiết lập chức năng)]** (tr.84), bạn có thể đăng xuất máy ảnh từ máy chủ FTP sau khi truyền và dừng kết nối mạng LAN.

Truyền một loạt

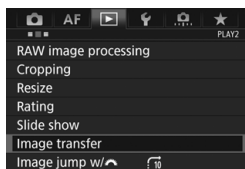
Sau khi chụp, bạn có thể chọn nhiều ảnh theo mong muốn và truyền tất cả cùng một lúc. Bạn cũng có thể truyền ảnh chưa gửi hoặc ảnh không thể gửi trước kia. Ngoài ra, bạn có thể thêm chú thích trước khi truyền ảnh.

Bạn cũng có thể tiếp tục chụp ảnh ngay cả khi đang truyền ảnh.

- **Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[LIVE]>, bạn không truyền được ảnh. Đặt công tắc thành <[CAM]>.**

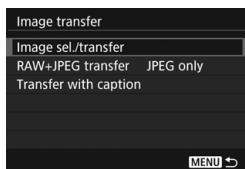
Chọn ảnh cần truyền

- **Sel.Image (Chọn ảnh)**

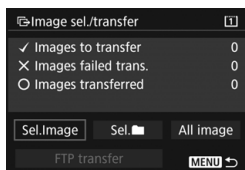


1 Chọn [Image transfer (Truyền ảnh)].

- Trong tab [▶2], chọn [Image transfer (Truyền ảnh)], rồi nhấn <[SET]>.



2 Chọn [Image sel./transfer (Chọn/truyền ảnh)].

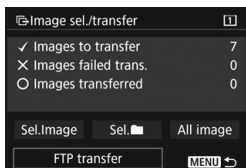


3 Chọn [Sel.Image (Chọn ảnh)].



4 Chọn ảnh cần truyền.

- Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh cần truyền, rồi nhấn <SET>.
- Xoay nút xoay <⌚> để hiển thị biểu tượng [✓] ở phía trên bên trái màn hình, rồi nhấn <SET>.
- Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⌚> ngược chiều kim đồng hồ, bạn có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị ba ảnh. Để trở lại chế độ hiển thị từng ảnh, xoay nút xoay <⌚> theo chiều kim đồng hồ.
- Để chọn ảnh khác cần truyền, lặp lại bước 4.



5 Truyền ảnh.

- Chọn **[FTP transfer (Truyền qua FTP)]**, rồi nhấn <SET>.
- Chọn **[OK]** trên hộp thoại xác nhận để truyền ảnh.
- Cũng có thể truyền ảnh đã chọn với **[Sel. [Folder Icon] (Chọn [Folder Icon])]** và **[All image (Tất cả ảnh)]** theo cách này.



Nếu đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành <[Live View/Video Icon]> trong khi truyền ảnh chụp, việc truyền sẽ bị hủy tạm thời. Đặt công tắc thành <[Still Photo Icon]> để tiếp tục truyền ảnh.



- Bạn cũng có thể truyền phim đã quay. Tuy nhiên, khi công tắc chụp Live View/quay phim được đặt thành <[Live View/Video Icon]>, bạn không truyền được ảnh. Đặt công tắc thành <[Still Photo Icon]> và truyền.
- Có thể chọn tối đa 9.999 ảnh cùng một lúc.
- Khi chọn **[Sel. Image (Chọn ảnh)]**, bạn có thể kiểm tra lịch sử truyền ở phía trên bên trái màn hình: Không có dấu: Chưa chọn. ✓: Đã chọn để truyền. ✕: Truyền không thành công. ○: Truyền thành công.
- Bạn cũng có thể thực hiện quy trình **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** (tr.35) và các bước 1 đến 4 bên trên khi máy ảnh không kết nối với máy chủ FTP.

● Sel. (Chọn)

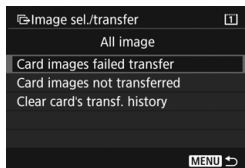


Chọn [**Sel. (Chọn)**] và chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**]. Khi bạn chọn một thư mục, tất cả ảnh chưa truyền sang máy chủ FTP trong thư mục đó sẽ được chọn.

Chọn [**Folder images failed transf. (Ảnh truyền chưa thành công trong thư mục)**] để chọn các ảnh đã truyền chưa thành công trong thư mục được chọn.

Chọn [**Clear folder transf. history (Xóa lịch sử truyền thư mục)**] để xóa lịch sử truyền ảnh trong thư mục được chọn. Sau khi xóa lịch sử truyền, bạn có thể chọn [**Folder images not transfer'd (Ảnh chưa truyền trong thư mục)**] và truyền lại tất cả ảnh trong thư mục.

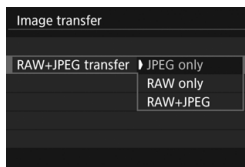
● All image (Tất cả ảnh)



Nếu chọn [**All image (Tất cả ảnh)**] và chọn [**Card images not transferred (Ảnh chưa truyền trên thẻ)**], tất cả ảnh chưa truyền sang máy chủ FTP trên thẻ sẽ được chọn.

Để tìm hiểu về mô tả của tùy chọn [**Card images failed transfer (Ảnh truyền chưa thành công trên thẻ)**] và [**Clear card's transf. history (Xóa lịch sử truyền trên thẻ)**], tham khảo phần "**Chọn**" phía trên.

Truyền ảnh RAW+JPEG



Đối với ảnh RAW+JPEG, bạn có thể chỉ định ảnh cần truyền.

Trong bước 2 ở trang 32, chọn **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** và chọn ảnh cần truyền: **[JPEG only (Chỉ JPEG)]**, **[RAW only (Chỉ RAW)]** hoặc **[RAW+JPEG]**.

- Thiết lập **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** sẽ chuyển đổi theo thiết lập **[RAW+JPEG transfer (Truyền RAW+JPEG)]** trong [**3: Communication settings (Thiết lập giao tiếp)**] → [**Network settings (Thiết lập mạng)**] → [**Function settings (Thiết lập chức năng)**] → [**FTP transfer settings (Thiết lập truyền qua FTP)**] → [**Transfer type/size (Kiểu/kích cỡ truyền)**] (tr.30).

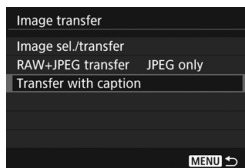
Thao tác menu trong khi truyền ảnh

Bạn có thể sử dụng menu ngay cả trong khi truyền ảnh. Tuy nhiên, để tránh xảy ra vấn đề trong khi truyền, một số mục menu sẽ không sử dụng được trong khi truyền, bao gồm **[Network settings (Thiết lập mạng)]**, **[Protect images (Bảo vệ ảnh)]**, **[Erase images (Xóa ảnh)]**, **[Format card (Định dạng thẻ)]** và **[Record func+card/folder sel. (Chức năng ghi+chọn thẻ/thư mục)]**.

Thêm chú thích trước khi truyền

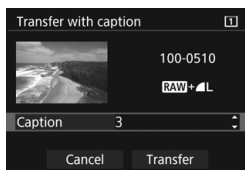
Khi chọn **[Transfer with caption (Truyền với chú thích)]** trong bước 2 ở trang 32, bạn có thể thêm chú thích đã đăng ký vào từng ảnh trước khi truyền. Tính năng này rất tiện lợi, ví dụ khi muốn thông báo số lượng bản in cho người nhận. Chú thích cũng có thể được thêm vào ảnh đã lưu trong máy ảnh.

- Trong phần nhận xét của người dùng, bạn có thể xem chú thích được thêm vào ảnh bằng cách kiểm tra thông tin Exif.
- Để tìm hiểu hướng dẫn về tạo và đăng ký chú thích, tham khảo trang 104.



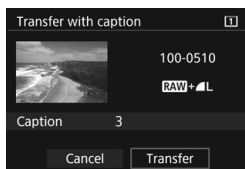
1 Chọn **[Transfer with caption (Truyền với chú thích)]**.

- Chọn **[Transfer with caption (Truyền với chú thích)]** trên màn hình ở bước 2 của trang 32, rồi nhấn **<SET>**.
- ▶ Máy ảnh hiển thị ảnh xem lại cuối cùng.



2 Đặt chú thích.

- Chọn **[Caption (Chú thích)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Xoay nút xoay **<DISP>** để chọn nội dung chú thích, rồi nhấn **<SET>**.



3 Chọn **[Transfer (Truyền)]**.

- ▶ Ảnh sẽ được truyền với chú thích. Khi quá trình truyền hoàn tất, màn hình **[Image transfer (Truyền ảnh)]** sẽ xuất hiện lại.

⚠ Không thể chọn ảnh trên màn hình **[Transfer with caption (Truyền với chú thích)]** bằng tay. Để chọn ảnh khác để truyền có chú thích, xem lại ảnh đó trước khi thực hiện theo các bước này.

Xem ảnh đã truyền

Các ảnh đã truyền đến máy chủ FTP sẽ được lưu trong thư mục sau theo chỉ định trong thiết lập máy chủ FTP.

Thư mục đích cho máy chủ FTP

- Với thiết lập mặc định của máy chủ FTP, các ảnh sẽ được lưu trong **[C drive]** → thư mục **[inetpub]** → thư mục **[ftproot]** hoặc thư mục con của thư mục này.
- Nếu thư mục gốc của điểm đích truyền trong thiết lập máy chủ FTP đã bị đổi, tham vấn quản trị máy chủ FTP về thư mục đích ảnh được truyền.

Thư mục lưu ảnh

Với thiết lập mặc định, ảnh đã truyền sẽ được lưu trong thư mục gốc được chỉ định trong thiết lập máy chủ FTP, với cấu trúc thư mục được tự động tạo như “A/DCIM/100EOS1D”.

Tuy nhiên, khi bạn đã chọn thẻ CF để ghi và xem lại ảnh, một cấu trúc thư mục như “A/DCIM/100EOS1D” sẽ được tự động tạo; khi bạn đã chọn thẻ CFast, cấu trúc thư mục sẽ là “B/DCIM/100EOS1D”. (Các ảnh sẽ được lưu riêng theo cách ảnh trong thẻ CF lưu ở thư mục A và ảnh trong thẻ CFast lưu ở thư mục B.)

[illegible]

3

Sử dụng EOS Utility để điều khiển từ xa

Bạn có thể sử dụng EOS Utility để xem ảnh được lưu trong máy ảnh hoặc lưu ảnh vào máy tính. Ngoài ra, bạn có thể điều khiển máy ảnh từ xa để chụp ảnh hoặc thay đổi thiết lập máy ảnh bằng EOS Utility.

Hầu hết tất cả các thao tác máy ảnh của EOS Utility đều được hỗ trợ, do tùy chọn này sử dụng mạng LAN có dây thay vì cáp nối.

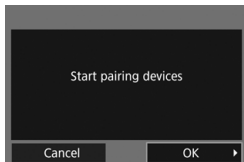
- Hướng dẫn trong chương này được tiếp tục từ chương 1.
- Cài đặt EOS Utility trên máy tính trước khi thiết lập kết nối (tr.10).

Định cấu hình các thiết lập kết nối EOS Utility

Hướng dẫn này là phần tiếp theo của chương 1.

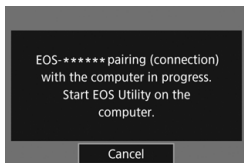
- Máy tính cần được thao tác để thiết lập kết nối. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng máy tính.
- Quy trình định cấu hình như sau, sử dụng Windows 8.1 làm ví dụ.

Thao tác trên máy ảnh-1



1 Chọn [OK].

- Chọn [OK] và nhấn <SET>. Thông báo sau đây sẽ hiển thị. “*****” đại diện cho sáu số cuối trên địa chỉ MAC của máy ảnh.



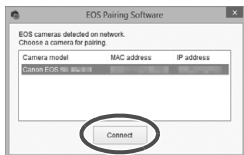
Thao tác trên máy tính



2 Khởi động EOS Utility trên máy tính.

3 Trong EOS Utility, nhấp vào [Pairing over Wi-Fi/LAN].

- Nếu hiển thị thông báo liên quan đến tường lửa, chọn [Yes].



4 Nhấp vào **[Connect]** trên máy tính.

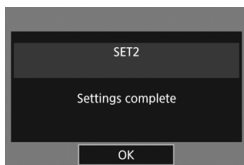
- Chọn máy ảnh để kết nối, rồi nhấp vào **[Connect]**.
- Nếu nhiều máy ảnh cùng hiển thị, xác định máy ảnh cần kết nối theo địa chỉ MAC hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh.
- Cũng có thể kiểm tra địa chỉ MAC trên màn hình **[Function settings (Thiết lập chức năng)]** (tr.84).

Thao tác trên máy ảnh-2



5 Chọn **[OK]**.

- Khi máy ảnh phát hiện máy tính mà bạn nhấp vào **[Connect]** ở bước 4, màn hình bên trái hiển thị.
- Chọn **[OK]** và nhấn **<SET>**. Màn hình hoàn tất kết nối sẽ xuất hiện.



6 Chọn **[OK]**.

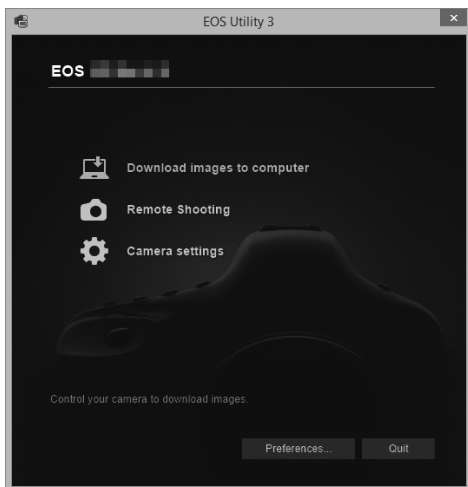
- Nhấn **<SET>** để trở về màn hình **[Network settings (Thiết lập mạng)]**.
- ▶ Đèn **<LAN>** trên máy ảnh sẽ chớp sáng màu xanh lá cây.

Quy trình thiết lập kết nối với EOS Utility đã hoàn tất.

- Nếu bạn tiếp tục sử dụng cùng một máy ảnh và máy tính đã ghép đôi mà không thay đổi thiết lập, không cần phải ghép đôi lại.

Sử dụng EOS Utility

Tham khảo Hướng dẫn sử dụng EOS Utility để tìm hiểu thêm thông tin. Ngoài chụp từ xa, bạn có thể sử dụng nhiều thao tác máy ảnh khác.



- Chuyển động của chủ thể động có thể không hiển thị mượt mà tùy thuộc vào tốc độ truyền ảnh của mạng LAN có dây.
- Khi đã kết nối, bạn không thể chọn [**Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)**], [**RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**], [**Cropping (Cắt ảnh)**] hoặc [**Resize (Thay đổi cỡ ảnh)**].

4

Sử dụng máy chủ WFT để điều khiển từ xa

Với trình duyệt web, bạn có thể xem ảnh được lưu trong máy ảnh hoặc lưu ảnh vào máy tính, smartphone, v.v... Ngoài ra, bạn còn có thể điều khiển máy ảnh từ xa để chụp ảnh hoặc thay đổi các thiết lập máy ảnh với trình duyệt web.

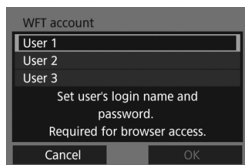
- Hướng dẫn trong chương này được tiếp tục từ chương 1.

Định cấu hình các thiết lập kết nối máy chủ WFT

Hướng dẫn này là phần tiếp theo của chương 1.

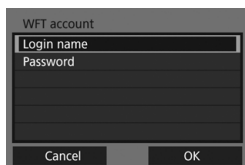
Nhập tên đăng nhập và mật mã để kết nối với máy ảnh từ máy tính.

Tên đăng nhập và mật mã được chỉ định ở đây sẽ được sử dụng khi kết nối với máy ảnh.



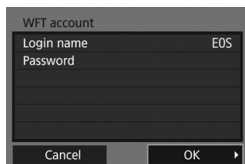
1 Chọn [User * (Người dùng *)].

- Với máy chủ WFT, bạn có thể kết nối máy ảnh với tối đa ba thiết bị. Chọn số người dùng để tránh xung đột khi người dùng ở các thiết bị khác đang được kết nối cùng một lúc.



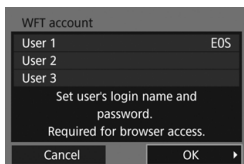
2 Chọn [Login name (Tên đăng nhập)] hoặc [Password (Mật mã)].

- ▶ Bàn phím ảo sẽ hiển thị. Tham khảo phần 15 để nhập tên đăng nhập và mật mã.



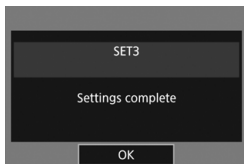
3 Chọn [OK].

- Sau khi chỉ định tên đăng nhập và mật mã, chọn [OK] và nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình cho bước 1 sẽ xuất hiện lại.
- Để thêm người dùng, lặp lại các bước từ 1 đến 3.



4 Chọn [OK].

- Chọn [OK] và nhấn <SET>. Màn hình hoàn tất kết nối sẽ xuất hiện.



5 Chọn [OK].

- Nhấn <SET> để trở về màn hình [Network settings (Thiết lập mạng)].

Quy trình thiết lập kết nối với máy chủ WFT đã hoàn tất.



Bạn có thể thay đổi các thiết lập tài khoản WFT trên màn hình [Function settings (Thiết lập chức năng)] (tr.84). Cũng có thể thay đổi thiết lập số cổng trên màn hình [Function settings (Thiết lập chức năng)]. Lưu ý rằng, thông thường không cần phải thay đổi số cổng (80).

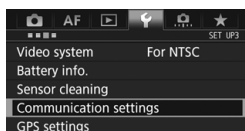
Hiện thị máy chủ WFT

Trong trình duyệt web, làm hiển thị máy chủ WFT, một màn hình để thao tác với máy ảnh. Kết nối trước máy ảnh với máy tính, smartphone, v.v... qua mạng LAN.

Để truy cập máy ảnh từ smartphone, bạn phải sử dụng điểm truy cập (tr.8).

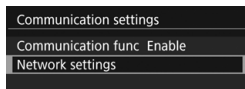
Kiểm tra địa chỉ IP của máy ảnh

Để truy cập máy ảnh từ trình duyệt web, bạn phải nhập địa chỉ IP của máy ảnh hiển thị ở bước 6 trong vùng nhập địa chỉ của trình duyệt web.



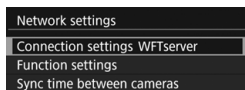
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [43], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

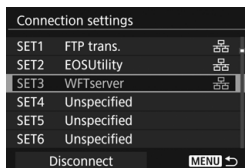


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

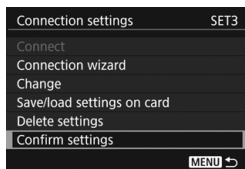
- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



3 Chọn [Connection settings (Thiết lập kết nối)].

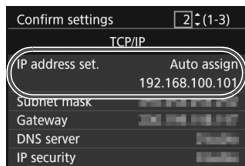


4 Chọn [SET* WFTserver (Máy chủ WFT)].



5 Chọn [Confirm settings (Xác nhận thiết lập)].

- Các thiết lập sẽ hiển thị.



6 Kiểm tra thiết lập.

- Xoay nút xoay <⌚> để hiển thị màn hình khác.
- Ghi lại địa chỉ IP.
- Sau khi kiểm tra, nhấn nút <MENU> để thoát hộp thoại xác nhận.

Đăng nhập máy chủ WFT

7 Khởi động trình duyệt web.

- Khởi động trình duyệt web trên máy tính, smartphone, v.v...



8 Nhập URL.

- Trong vùng nhập địa chỉ, nhập địa chỉ IP được ghi lại ở bước 6.
- Nhấn phím <Enter>.



9 Nhập [Login name (Tên đăng nhập)] và [Password (Mật mã)].

- Nhập [Login name (Tên đăng nhập)] (tên người dùng) và [Password (Mật mã)] được chỉ định ở trang 44.
- Nhấn [OK] để hiển thị màn hình máy chủ WFT.

10 Chọn ngôn ngữ.

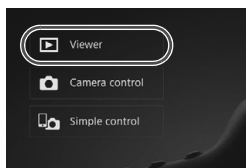
- Chọn ngôn ngữ ở dưới cùng màn hình.



- Không thể sử dụng máy chủ WFT trừ khi trình duyệt web hỗ trợ JavaScript.
- Khi đã kết nối, bạn không thể chọn [Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)], [RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)], [Cropping (Cắt ảnh)] hoặc [Resize (Thay đổi cỡ ảnh)].

Xem ảnh

Bạn có thể duyệt ảnh trên thẻ máy ảnh như sau.



1 Nhấn [▶ Viewer].

- ▶ Màn hình xem ảnh sẽ hiển thị.



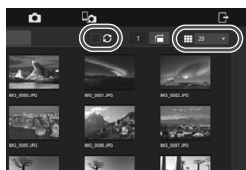
2 Chọn thẻ và thư mục.

- Nhấn tab [CF] hoặc [CFast] để chọn thẻ.
- Nhấn tên thư mục ở bên phải tab đã chọn để lựa chọn thư mục từ danh sách đổ xuống.







3 Chọn ảnh.

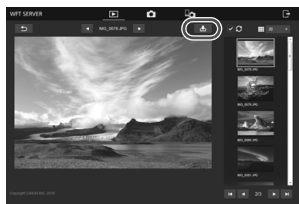
- Để xem ảnh khác, thay đổi màn hình với [◀ ▶] hoặc [◀ ▶] ở dưới cùng màn hình.
- Bạn có thể chỉ định số lượng hình thu nhỏ được hiển thị trong mỗi màn hình từ danh sách đổ xuống ở phía trên bên phải của màn hình.
- Khi thêm [☑] vào hộp kiểm ở bên cạnh [📷], màn hình sẽ định kỳ làm mới.
- Đối với phim, [MOV] or [MP4] sẽ hiển thị ở bên cạnh tên tập tin.



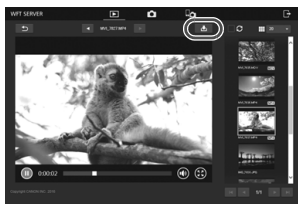
4 Tải ảnh.

- Khi chọn hình thu nhỏ, ảnh sẽ hiển thị với kích cỡ lớn hơn.
- Nhấn [] để tải ảnh xuống.
- Nhấn [] hoặc [] để hiển thị ảnh trước hoặc ảnh tiếp.
- Nhấn [] để trở về màn hình xem ảnh.

Màn hình xem lại ảnh



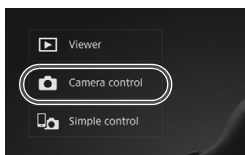
Màn hình phát lại phim



⚠ Lưu ý rằng các vấn đề sau có thể xảy ra do hiệu suất của máy tính và smartphone hoặc do trình duyệt đang sử dụng: không thể hiển thị ảnh, hiển thị ảnh bị chậm hoặc không thể tải ảnh về thiết bị.

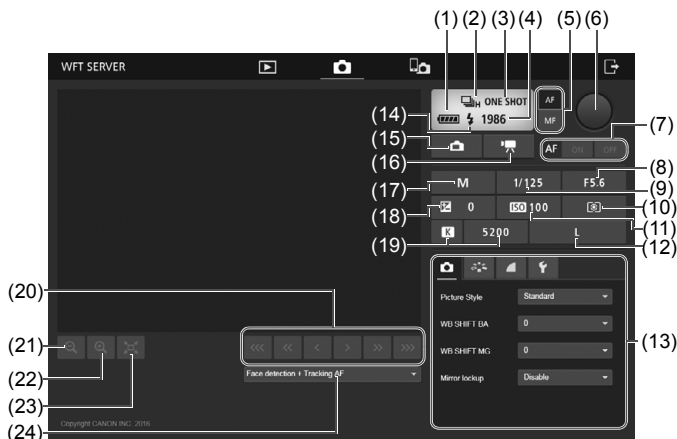
Chụp từ xa [Camera control]

Bạn có thể sử dụng máy chủ WFT để chụp từ xa.



1 Nhấn [📷 Camera control].

▶ Màn hình chụp ảnh nâng cao sẽ hiển thị.



- | | |
|--------------------------|---|
| (1) Mức pin | (13) Menu |
| (2) Kiểu chụp | (14) Flash sẵn sàng |
| (3) Chế độ AF | (15) Nút chụp ảnh Live View |
| (4) Số ảnh có thể chụp | (16) Nút quay phim |
| (5) Nút chuyển đổi AF/MF | (17) Chế độ chụp |
| (6) Nút chụp | (18) Bù trừ phơi sáng |
| (7) Nút AF | (19) Cân bằng trắng |
| (8) Khẩu độ | (20) Nút lấy nét tay |
| (9) Tốc độ màn trập | (21) Nút thu nhỏ |
| (10) Chế độ đo sáng | (22) Nút phóng to |
| (11) Tốc độ ISO | (23) Nút chuyển đổi kích cỡ ảnh Live View |
| (12) Chất lượng ghi ảnh | (24) Phương pháp AF |

2 Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

- Khi nhấn và nhả nút chụp (6), máy ảnh sẽ tự động lấy nét và chụp ảnh.



- Kiểu chụp (2) hiển thị kiểu chụp đang được đặt trên máy ảnh. Lưu ý rằng kể cả khi kiểu chụp của máy ảnh được đặt thành chụp liên tục, chụp từng ảnh vẫn sẽ được áp dụng cho chụp từ xa.
- Khi công tắc chụp Live View/quay phim của máy ảnh được đặt thành <[Live View/Video]>, bạn sẽ không thể chụp ảnh.
- Chụp chống nhấp nháy sẽ được tự động đặt thành **[Disable (Tắt)]**.
- Nếu khóa gương lật được đặt thành thiết lập khác ngoài **[Disable (Tắt)]**, bạn sẽ không thể chụp ảnh. Đặt khóa gương lật thành **[Disable (Tắt)]** trong Menu (13).



Khi đặt Lấy nét một lần, ảnh sẽ không được chụp nếu không lấy được nét. Hiển thị ảnh Live View và lấy nét tay.

Hiển thị ảnh Live View để chụp



1 Hiển thị ảnh Live View.

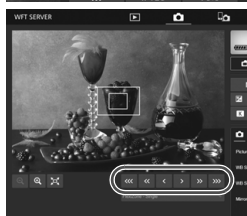
- Nhấn nút chụp ảnh Live View (15).



2 Điều chỉnh lấy nét.

Sử dụng tự động lấy nét

- Nhấn [ON] trên nút AF (7) để tự động lấy nét.



Lấy nét tay

- Nhấn các nút < [Left Arrow] >, < [Left Arrow] >, < [Left Arrow] >, < [Right Arrow] >, < [Right Arrow] > và < [Right Arrow] > để điều chỉnh lấy nét.

Để lấy nét gần hơn, nhấn < [Left Arrow] >, < [Left Arrow] > hoặc < [Left Arrow] >. Để lấy nét xa hơn, nhấn < [Right Arrow] >, < [Right Arrow] > hoặc < [Right Arrow] >.

- Có thể sử dụng ba mức điều chỉnh lấy nét.

< [Left Arrow] > < [Right Arrow] >: Mức tăng lớn nhất

< [Left Arrow] > < [Right Arrow] >: Mức tăng trung bình

< [Left Arrow] > < [Right Arrow] >: Mức tăng nhỏ nhất



- Nếu ảnh Live View không hiển thị, bật Chụp Live View trong Menu (13).
- Để hiển thị ảnh Live View phản ứng nhạy hơn, nhấn nút chuyển đổi kích cỡ ảnh Live View (23). Hiển thị ảnh Live View sẽ phản ứng nhạy với kích cỡ nhỏ hơn. Để lưu kích cỡ gốc, nhấn lại nút.



3 Định cấu hình các thiết lập chụp.

- Chọn mục thiết lập (chẳng hạn như chất lượng ghi ảnh) để xem chi tiết thiết lập và định cấu hình thiết lập.
- Hoàn tất thiết lập nếu cần.



4 Chụp ảnh.

- Nhấn nút chụp (6). Khi nhấn nút chụp, ảnh sẽ được chụp.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.
- Ảnh chụp được lưu trong thẻ máy ảnh.
- Để tải ảnh, tham khảo phần “Xem ảnh” (tr.49).

⚠ Nếu nhiều thiết bị cùng truy cập vào máy ảnh, ảnh Live View có thể bị dừng hình khi chụp.

Quay phim

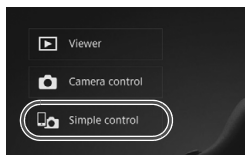


Nhấn nút quay phim (16) để hiển thị màn hình quay phim.

- Các quy trình thiết lập giống như khi chụp ảnh.
- Nhấn nút chụp (6). Khi nhả nút ra, quá trình quay phim sẽ bắt đầu.
- ▶ Trong khi quay phim, chấm đỏ [●] trên nút chụp (6) sẽ chuyển thành chấm trắng [□].
- Nhấn lại nút chụp (6). Khi nhả nút ra, quá trình quay phim sẽ dừng.

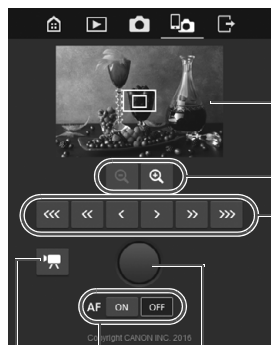
Chụp từ xa [Simple control]

Tuy rằng các thiết lập chức năng chi tiết không sử dụng được trên màn hình chụp cơ bản, song do thiết kế nhỏ gọn của màn hình thao tác, chụp từ xa với smartphone hoặc các thiết bị có màn hình nhỏ khác cũng rất tiện lợi.



1 Nhấn [Simple control].

- ▶ Màn hình chụp cơ bản và ảnh Live View sẽ hiển thị.



Màn hình ảnh Live View

Nút phóng to/thu nhỏ

Nút lấy nét tay

< << > < >> > >> >: Lấy nét gần hơn

< > < >> > < >>> >: Lấy nét xa hơn

Mức điều chỉnh lấy nét

< << > < >>> >: Mức tăng lớn nhất

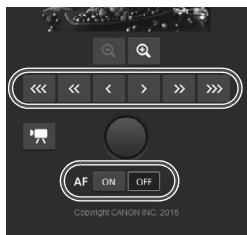
< << > < >> >: Mức tăng trung bình

< < > < > >: Mức tăng nhỏ nhất

Nút chụp

Nút AF

Nút chuyển đổi chụp ảnh/
quay phim



2 Điều chỉnh lấy nét.

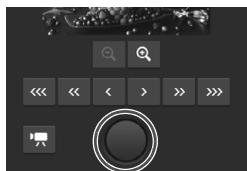
- Đặt công tắc chế độ lấy nét của ống kính thành <AF>.

Sử dụng tự động lấy nét

- Nhấn [ON (BẬT)] trên nút AF để tự động lấy nét.

Lấy nét tay

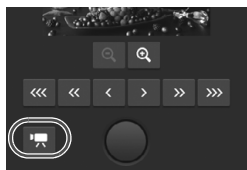
- Nhấn các nút < [] >, < [] >, < [] >, < [] >, < [] > và < [] > để điều chỉnh lấy nét.



3 Chụp ảnh.

- Nhấn nút chụp. Khi nhả nút chụp, ảnh sẽ được chụp.
- ▶ Ảnh chụp sẽ hiển thị.
- Ảnh chụp được lưu trong thẻ máy ảnh.
- Để tải ảnh, tham khảo phần “Xem ảnh” (tr.49).

Quay phim



Nhấn nút [] hoặc [] để chuyển giữa màn hình chụp ảnh và màn hình quay phim.

- Các quy trình thiết lập giống như khi chụp ảnh.
- Nhấn nút chụp. Khi nhả nút ra, quá trình quay phim sẽ bắt đầu.
- ▶ Trong khi quay phim, chấm đỏ [●] trên nút chụp sẽ chuyển thành chấm trắng [□].
- Nhấn lại nút chụp. Khi nhả nút ra, quá trình quay phim sẽ dừng.

[illegible]

5

Sử dụng smartphone để điều khiển từ xa

Bạn có thể sử dụng smartphone để xem ảnh được lưu trong máy ảnh hoặc lưu ảnh vào smartphone. Ngoài ra, bạn có thể điều khiển máy ảnh từ xa để chụp ảnh hoặc thay đổi thiết lập máy ảnh bằng smartphone.

- Hướng dẫn trong chương này được tiếp tục từ chương 1.
- Cài đặt Camera Connect lên smartphone trước khi thiết lập kết nối (tr.11).

Định cấu hình thiết lập kết nối smartphone

Hướng dẫn này là phần tiếp theo của chương 1.

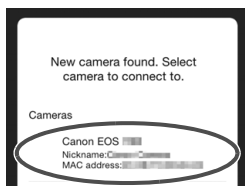
- Smartphone cần được thao tác để thiết lập kết nối. Để tìm hiểu chi tiết, tham khảo hướng dẫn sử dụng smartphone.

Thao tác trên smartphone




1 Khởi động Camera Connect trên smartphone.

- Khi màn hình **[Waiting to connect (Đang chờ kết nối)]** hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh, khởi động Camera Connect trên smartphone.



2 Chọn máy ảnh để kết nối trên smartphone.

- Chọn và chạm máy ảnh để kết nối từ **[Cameras]** trên Camera Connect.
- Nếu nhiều máy ảnh cùng hiển thị, xác định máy ảnh cần kết nối theo địa chỉ MAC hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh.

 Có thể kiểm tra địa chỉ MAC của máy ảnh trên màn hình **[Function settings (Thiết lập chức năng)]** (tr.84).

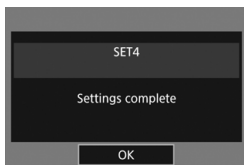
Thao tác trên máy ảnh



Tên thiết bị đã đặt trên
Camera Connect

3 Kết nối với máy ảnh.

- Khi kết nối được thiết lập, màn hình bên trái sẽ hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh.
- Để chỉ định ảnh có thể xem, nhấn nút <INFO.>. Tham khảo bước 7 ở trang 65 để thiết lập.
- Chọn **[OK]** và nhấn <SET>. Màn hình hoàn tất kết nối sẽ xuất hiện.
- ▶ Màn hình chính của Camera Connect sẽ hiển thị trên smartphone.
- ▶ Đèn <LAN> trên máy ảnh sẽ chớp sáng màu xanh lá cây.



4 Chọn **[OK]**.

- Nhấn <SET> để trở về màn hình **[Network settings (Thiết lập mạng)]**.

Quy trình thiết lập kết nối với smartphone đã hoàn tất.

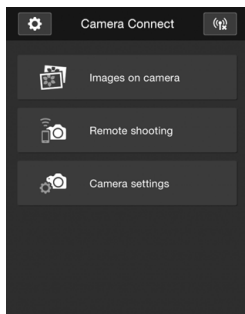


- Bạn có thể kiểm tra hoặc thay đổi tên thiết bị trên màn hình thiết lập của ứng dụng Camera Connect.
- Khi đã kết nối, chức năng tự động tắt nguồn của máy ảnh không hoạt động.

Sử dụng smartphone để thao tác với máy ảnh

Bạn có thể sử dụng smartphone có cài đặt ứng dụng Camera Connect để xem ảnh lưu trữ trong máy ảnh và chụp từ xa.

Màn hình chủ của ứng dụng Camera Connect



Chức năng chính của Camera Connect được mô tả dưới đây. Chạm vào màn hình để tìm hiểu các quy trình thao tác.

[Images on camera]

- Có thể xem ảnh lưu trong máy ảnh.
- Có thể lưu ảnh trong máy ảnh vào smartphone.
- Có thể thực hiện các thao tác như xóa ảnh lưu trên máy ảnh.

[Remote shooting]

- Có thể xem ảnh Live View của máy ảnh qua smartphone.
- Có thể chụp bằng điều khiển từ xa.

[Camera settings]

- Có thể thay đổi các thiết lập của máy ảnh.

⚙️ (Nút thiết lập)

- Sử dụng nút này để truy cập các thiết lập khác nhau cho Camera Connect.



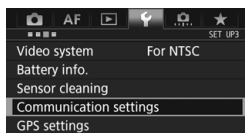
- Nếu kết nối bị ngắt khi đang quay phim bằng chức năng chụp từ xa, máy ảnh sẽ phản hồi như sau:
 - Khi đặt Công tắc chụp Live View/quay phim thành <📹>, phim tiếp tục quay.
 - Khi đặt Công tắc chụp Live View/quay phim thành <📷>, phim dừng quay.
- Khi đặt Công tắc chụp Live View/quay phim thành <📷> và chế độ phim được đặt bằng cách thao tác Camera Connect, bạn không thể quay bằng cách thao tác máy ảnh.
- Khi đã kết nối, bạn không thể chọn [**Multiple exposure (Ảnh ghép phơi sáng)**], [**RAW image processing (Xử lý ảnh RAW)**], [**Cropping (Cắt ảnh)**] hoặc [**Resize (Thay đổi cỡ ảnh)**]
- Trong chế độ chụp từ xa, tốc độ AF có thể trở nên chậm hơn.
- Tùy thuộc vào trạng thái kết nối, hiển thị ảnh hoặc nhà màn trập có thể bị trễ.
- Khi lưu ảnh vào smartphone, bạn không thể chụp ảnh ngay cả khi nhấn nút chụp của máy ảnh. Hơn nữa, màn hình LCD của máy ảnh có thể bị tắt.
- Ngay cả khi phim định dạng MOV hiển thị trong danh sách, bạn cũng không thể lưu vào smartphone. Lưu ý rằng với một số hệ điều hành smartphone, bạn có thể sẽ không lưu được phim định dạng MP4.



- Kết nối sẽ dừng nếu bạn đặt nguồn máy ảnh thành <OFF> hoặc mở nắp khe cắm thẻ.
- Nếu bạn gửi ảnh RAW tới smartphone, ảnh sẽ được lưu thành ảnh JPEG với kích thước thay đổi.
- Khi đã kết nối, chức năng tự động tắt nguồn của máy ảnh không hoạt động.
- Khi đã kết nối, bạn nên tắt chức năng tiết kiệm pin của smartphone.

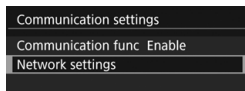
Chỉ định ảnh có thể xem

Bạn có thể chỉ định các ảnh có thể xem được từ smartphone bằng cách thao tác với máy ảnh. Ảnh có thể được chỉ định trong khi thiết lập kết nối hoặc sau khi kết nối bị ngắt.



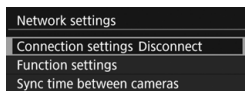
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [43], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

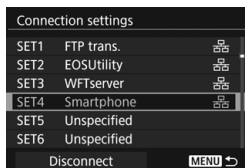


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

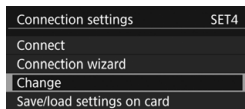
- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



3 Chọn [Connection settings (Thiết lập kết nối)].



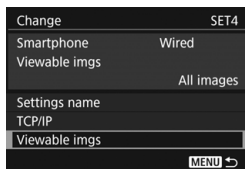
4 Chọn [SET* Smartphone].



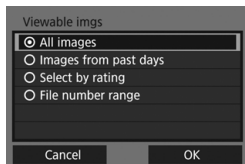
5 Chọn [Change (Thay đổi)].

⚠ Nếu [Viewable imgs (Ảnh có thể xem)] được đặt thành thiết lập khác ngoài [All images (Tất cả ảnh)], bạn sẽ không thể chụp ảnh.

📱 Khi kết nối lại với smartphone, kiểm tra thiết lập ảnh có thể xem trước khi thiết lập kết nối.



6 Chọn [Viewable imgs (Ảnh có thể xem)].



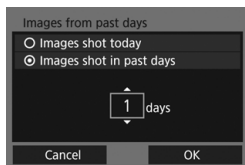
7 Chọn một mục.

- Chọn [OK] và nhấn <SET> để hiển thị màn hình thiết lập.

[All images (Tất cả ảnh)]

Tất cả ảnh lưu trên thẻ nhớ đều có thể xem được.

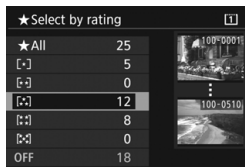
[Images from past days (Ảnh chụp trong quá khứ)]



Chỉ định các ảnh có thể xem được trên cơ sở ngày chụp. Có thể chỉ định các ảnh chụp trong vòng tối đa chín ngày trước.

- Chọn mục, rồi nhấn <SET>.
- Khi chọn [Images shot in past days (Ảnh chụp trong quá khứ)], các ảnh được chụp cho đến số ngày được đặt trước ngày hiện tại đều có thể xem được. Khi <SET> hiển thị số ngày, xoay nút xoay <DISP> để chỉ định số ngày, rồi nhấn <SET> để xác nhận lựa chọn.
- Chọn [OK] và nhấn <SET> để chỉ định số ảnh có thể xem được.

[Select by rating (Chọn theo xếp hạng)]



Chỉ định ảnh có thể xem được theo xếp hạng được đặt (hoặc không được đặt) hoặc theo kiểu xếp hạng.

- Chọn xếp hạng, rồi nhấn <SET> để chỉ định số ảnh có thể xem được.

[File number range (Phạm vi số thứ tự tập tin)] (Chọn phạm vi)



Ảnh đầu tiên Ảnh cuối cùng

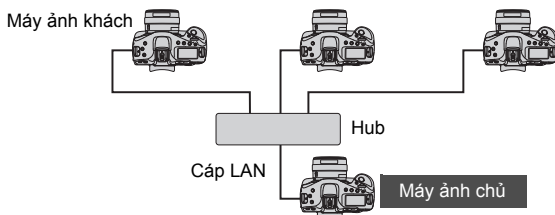
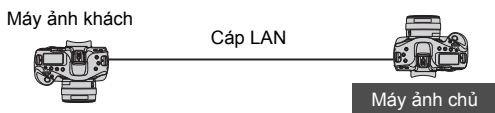
Chọn ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng từ các ảnh được sắp xếp theo số thứ tự tập tin để chỉ định ảnh có thể xem được.

- 1 Xoay nút xoay <⌚> để chọn ảnh đầu tiên có thể xem được.
- 2 Nhấn <SET> để hiển thị màn hình chọn ảnh.
Sử dụng nút xoay <⌚> để chọn ảnh. Nếu nhấn nút <Q> và xoay nút xoay <⌚> ngược chiều kim đồng hồ, có thể chọn ảnh từ chế độ hiển thị bằng kê.
- 3 Chọn ảnh và nhấn <SET> để xác nhận lựa chọn.
- 4 Chỉ định ảnh cuối có thể xem được bằng thao tác tương tự.
Chọn một ảnh được chụp sau ảnh đã chọn làm ảnh đầu tiên.
- 5 Khi ảnh đầu tiên và ảnh cuối cùng được chỉ định, chọn [OK], rồi nhấn <SET>.

6

Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh

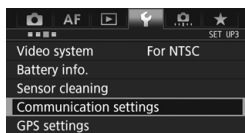
Bạn có thể thiết lập giờ máy ảnh chủ trên tối đa 10 máy ảnh khách. Lưu ý rằng ngay cả sau khi đồng bộ giờ, giữa giờ máy chủ và giờ máy khách vẫn có chênh lệch nhỏ, tối đa là 0,05 giây.



Đồng bộ giờ

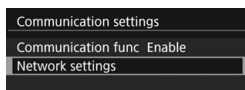
Kết nối trực tiếp các máy ảnh với nhau bằng cáp LAN. Khi có nhiều máy ảnh khách, kết nối các máy với hub bằng cáp LAN, rồi kết nối hub với máy ảnh chủ bằng cáp LAN.

Đối với máy chủ và máy khách, các bước 1 đến 5 giống nhau.



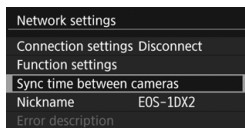
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [3], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <[SET]>.



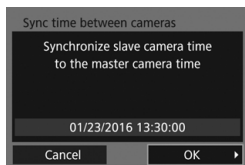
2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



3 Chọn [Sync time between cameras (Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh)].

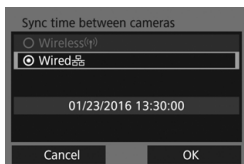
- Nếu đã kết nối với thiết bị khác, thông báo [Set [Connection settings] to [Disconnect] (Đặt [Thiết lập kết nối] thành [Ngắt kết nối])] sẽ xuất hiện. Chọn [OK] để ngắt kết nối.



4 Chọn [OK].

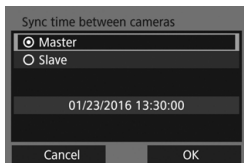
! Đồng bộ giờ máy ảnh giữa các model máy ảnh tương tự.

Nếu model máy ảnh chủ và máy ảnh khách khác nhau, bạn sẽ không thể đồng bộ giờ với máy ảnh khách.



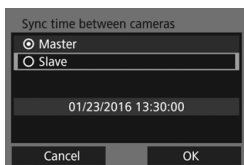
5 Chọn [Wired (Có dây)].

- Chọn **[OK]** và nhấn **<SET>** để chuyển sang màn hình tiếp theo.



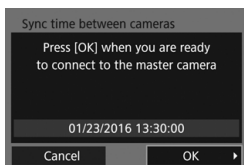
6 Cài đặt máy ảnh chủ.

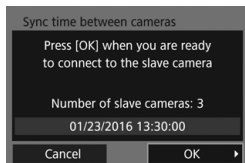
- Chọn **[Master (Chủ)]**, rồi nhấn **<SET>**.
- Chọn **[OK]** và nhấn **<SET>** để chuyển sang màn hình tiếp theo.
- ▶ Khi màn hình tiếp theo hiển thị, máy ảnh chủ sẽ sẵn sàng. Chuyển đến bước 7 để cài đặt các máy ảnh khách.



7 Cài đặt các máy ảnh khách.

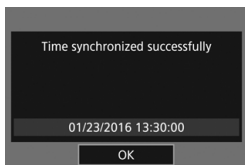
- Sau khi định cấu hình các thiết lập máy ảnh khách, thực hiện theo các bước 1 đến 5 ở trang trước, chọn **[Slave (Khách)]**.
- Chọn **[OK]** và nhấn **<SET>** để chuyển sang màn hình tiếp theo.
- ▶ Chọn **[OK]** trên màn hình hiển thị.
- Để đặt giờ cho nhiều máy ảnh khách, thực hiện theo các bước này trên tất cả máy ảnh khách.
- ▶ Trên màn hình LCD của máy ảnh chủ sẽ hiển thị số máy ảnh khách được phát hiện.





8 Trên máy ảnh chủ, chọn [OK].

- Kiểm tra số máy ảnh khách, rồi chọn [OK].
- ▶ Giờ trên các máy ảnh khách được đồng bộ với giờ trên máy ảnh chủ.

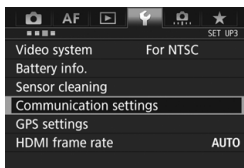


- Chọn [OK] để trở về màn hình [Network settings (Thiết lập mạng)].

7

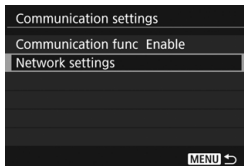
Ngắt kết nối và kết nối lại

Ngắt kết nối



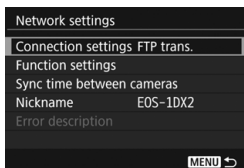
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [43], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

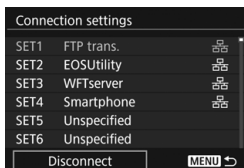


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



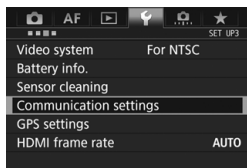
3 Chọn [Connection settings (Thiết lập kết nối)].



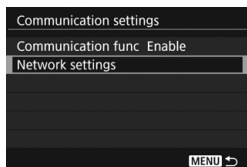
4 Chọn [Disconnect (Ngắt kết nối)].

- Kết nối được ngắt.

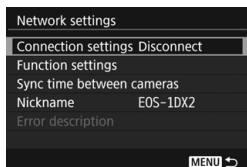
Kết nối lại



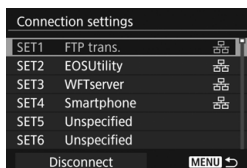
- 1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].**
- Trong tab [43], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.



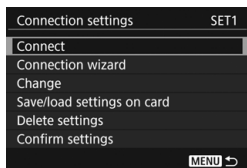
- 2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].**
- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].



- 3 Chọn [Connection settings (Thiết lập kết nối)].**



- 4 Chọn [SET*].**
- Chọn thiết lập cần kết nối từ các thiết lập đã lưu.



- 5 Chọn [Connect (Kết nối)].**
- Kết nối được thiết lập lại.
 - Nếu bạn đã thay đổi thiết lập trên thiết bị đích, định cấu hình lại thiết lập để kết nối với máy ảnh.

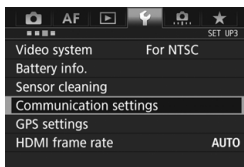
[illegible]

8

Kiểm tra và thao tác thiết lập kết nối

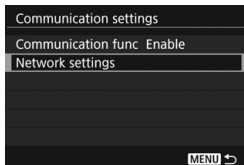
Hiển thị màn hình thiết lập kết nối

Kiểm tra, thay đổi hoặc xóa thiết lập kết nối lưu trên máy ảnh.



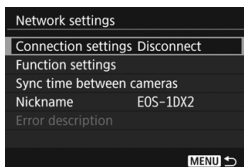
1 Chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)].

- Trong tab [3], chọn [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)], rồi nhấn <SET>.

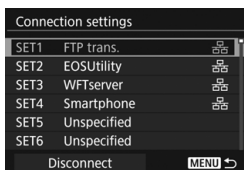


2 Chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

- Đặt [Communication func (Chức năng giao tiếp)] thành [Enable (Bật)], rồi chọn [Network settings (Thiết lập mạng)].

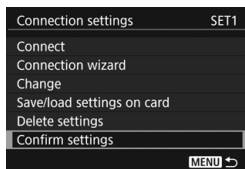


3 Chọn [Connection settings (Thiết lập kết nối)].



4 Chọn thiết lập.

- Chọn thiết lập cần kiểm tra từ các thiết lập đã lưu.



5 Kiểm tra hoặc thay đổi thiết lập.

- Chọn một mục và nhấn <SET>, rồi kiểm tra hoặc thay đổi thiết lập trên màn hình hiển thị.

[Connect (Kết nối)] (tr.73)

Chọn mục này để thiết lập lại kết nối. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận và nhấn <SET> để thiết lập kết nối.

[Connection wizard (Trình hướng dẫn kết nối)]

Thiết lập kết nối bằng trình hướng dẫn kết nối. Thực hiện theo quy trình hiển thị để hoàn tất thiết lập kết nối. Nếu có thiết lập đã được lưu trước đó, máy ảnh sẽ ghi đè các thiết lập này.

[Change (Thay đổi)] (tr.78)

Thay đổi thiết lập kết nối được lưu trong máy ảnh.

[Save/load settings on card (Lưu/tải thiết lập trên thẻ)] (tr.82, 83)

Lưu vào thẻ các thiết lập kết nối được lưu trong máy ảnh, hoặc tải về máy ảnh các thiết lập kết nối được lưu trong thẻ.

[Delete settings (Xóa thiết lập)]

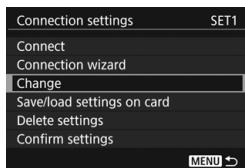
Xóa thiết lập kết nối được lưu trong máy ảnh. Chọn [OK] trên hộp thoại xác nhận để xóa thiết lập.

[Confirm settings (Xác nhận thiết lập)]

Kiểm tra thiết lập kết nối được lưu trong máy ảnh. Khi chọn [Confirm set. (Xác nhận thiết lập)], thiết lập sẽ hiển thị.

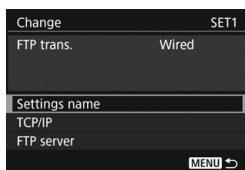
Thay đổi thiết lập

Thiết lập được cài đặt ban đầu bằng trình hướng dẫn kết nối có thể được thay đổi như dưới đây. Bạn cũng có thể thay đổi những cài đặt không thực hiện được bằng trình hướng dẫn kết nối, chẳng hạn như khi bạn gửi ảnh cùng tên với tập tin hiện có vào máy chủ FTP.



1 Chọn [Change (Thay đổi)].

- Trên màn hình [Connection settings (Thiết lập kết nối)] hiển thị ở bước 5 của trang 77, chọn [Change (Thay đổi)].



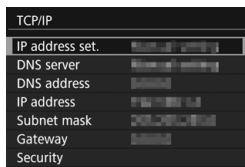
2 Chọn mục cần thay đổi.

- Chọn mục và nhấn <SET>. Màn hình thiết lập sẽ xuất hiện.

[Settings name (Tên thiết lập)]

Bạn có thể đặt tên cho thiết lập. Chọn [Settings name (Tên thiết lập)], rồi sử dụng bàn phím ảo để nhập ký tự (tr.15).

[TCP/IP]



Định cấu hình các thiết lập mạng như thiết lập địa chỉ IP và thiết lập bảo mật.

[FTP server (Máy chủ FTP)]

| | |
|---------------------|---------|
| FTP server | |
| Target server | |
| Login password | |
| Target folder | |
| Directory structure | Camera |
| Overwrite same file | Enable |
| Passive mode | Disable |
| Proxy server | |

Mục này hiển thị khi thiết lập kết nối với máy chủ FTP. Định cấu hình các thiết lập máy chủ FTP.

[Viewable imgs (Ảnh có thể xem)] (tr.64)

Mục này hiển thị khi thiết lập kết nối với smartphone. Tham khảo trang 64 để cài đặt.

Bảo mật IP (IPsec)

Định cấu hình trong [TCP/IP] → [Security (Bảo mật)].

IPsec là một bộ tiêu chuẩn dành cho giao tiếp mã hóa trên Internet. IPsec cung cấp bảo mật hiệu quả cho cả mạng LAN không dây và có dây. Để sử dụng chức năng này, bạn phải bật IPsec trong thiết lập mạng của máy tính. Khi sử dụng IPsec của máy ảnh, chỉ có chế độ truyền được hỗ trợ, thêm vào đó mã hóa 3DES hoặc AES và xác thực SHA-1 sẽ được sử dụng. Lưu ý rằng địa chỉ IP của máy tính dành cho giao tiếp với máy ảnh phải được nhập vào [Destination address (Địa chỉ đích)] trên màn hình thiết lập.

Kết cấu mục lục của thư mục đích

Được định cấu hình trong **[FTP server (Máy chủ FTP)]** → **[Directory structure (Kết cấu mục lục)]**.

Chọn **[Camera (Máy ảnh)]** sẽ tự động tạo kết cấu thư mục giống như trên máy ảnh (chẳng hạn như A/DCIM/100EOS1D) trong thư mục gốc của máy chủ để lưu ảnh. Nếu đã tạo thư mục con trong thư mục gốc bằng cách thay đổi thiết lập **[Target folder (Thư mục đích)]**, kết cấu thư mục như "A/DCIM/100EOS1D" sẽ được tự động tạo trong thư mục đó để lưu ảnh.

Chọn **[Default (Mặc định)]** sẽ sử dụng thư mục gốc để lưu ảnh. Nếu đã tạo thư mục con trong thư mục gốc bằng cách thay đổi thiết lập **[Target folder (Thư mục đích)]**, ảnh sẽ được lưu trong thư mục đó.

Ghi đè tập tin cùng tên

Được định cấu hình trong **[FTP server (Máy chủ FTP)]** → **[Overwrite same file (Ghi đè tập tin cùng tên)]**.

Khi **[Overwrite same file (Ghi đè tập tin cùng tên)]** được đặt thành **[Disable (Tắt)]**

Nếu đã có tập tin cùng tên trong thư mục đích trên máy chủ FTP, tập tin mới sẽ được lưu với đuôi dấu gạch dưới và một con số, ví dụ như IMG_0003_1.JPG.

Khi gửi lại ảnh không truyền được trước đó

Ngay cả khi máy ảnh được định cấu hình để ghi đè tập tin cùng tên, nếu bạn gửi lại tập tin ảnh không truyền được trước đó, tập tin hiện tại có thể không bị ghi đè trong một số trường hợp. Khi xảy ra tình huống này, tập tin mới sẽ được lưu với đuôi dấu gạch dưới, chữ cái và con số, ví dụ như IMG_0003_a1.JPG.

Chế độ thụ động

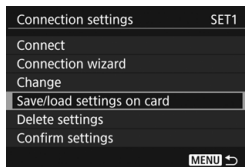
Được định cấu hình trong **[FTP server (Máy chủ FTP)]** → **[Passive mode (Chế độ thụ động)]**.

Bật thiết lập này trong môi trường mạng được bảo vệ bởi tường lửa, Nếu xảy ra lỗi 41 ("Không thể kết nối đến máy chủ FTP"), đặt chế độ thụ động thành **[Enable (Bật)]** có thể giúp truy cập đến máy chủ FTP.

Lưu và tải thiết lập

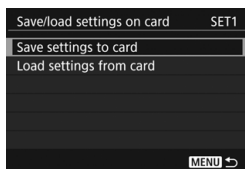
Bạn có thể lưu các thiết lập kết nối trên thẻ để cho máy ảnh khác sử dụng. Ngoài ra, các thiết lập kết nối được định cấu hình trên máy ảnh khác có thể được áp dụng cho máy ảnh cần sử dụng.

Lưu thiết lập

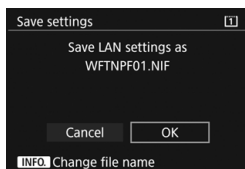


1 Chọn [Save/load settings on card (Lưu/tải thiết lập trên thẻ)].

- Trên màn hình [Connection settings (Thiết lập kết nối)] hiển thị ở bước 5 của trang 77, chọn [Save/load settings on card (Lưu/tải thiết lập trên thẻ)].



2 Chọn [Save settings to card (Lưu thiết lập trên thẻ)].

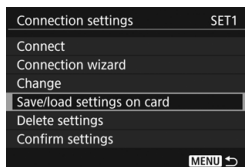


3 Chọn [OK].

- Tên tập tin được tự động xác định bởi máy ảnh: WFTNPF, tiếp sau là một con số (01 đến 99) và đuôi NIF. Bạn có thể nhấn nút [INFO] để đặt tên lại cho tập tin theo ý muốn.
- Các thiết lập được lưu thành tập tin trên thẻ.
- Các thiết lập được lưu thành tập tin ở khu vực thẻ được hiển thị khi mở thẻ (trong mục lục gốc).

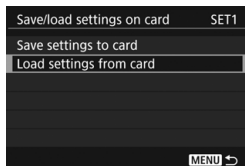
Chỉ có thể lưu mười tập tin thiết lập từ máy ảnh vào thẻ. Để lưu hơn mười tập tin, sử dụng thẻ khác.

Tải thiết lập

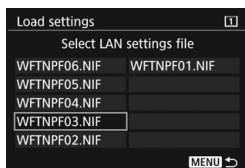


1 Chọn [Save/load settings on card (Lưu/tải thiết lập trên thẻ)].

- Trên màn hình [Connection settings (Thiết lập kết nối)] hiển thị ở bước 5 của trang 77, chọn [Save/load settings on card (Lưu/tải thiết lập trên thẻ)].

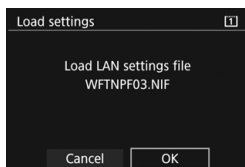


2 Chọn [Load settings from card (Tải thiết lập từ thẻ)].



3 Chọn tập tin thiết lập.

- Chọn tập tin thiết lập phù hợp với môi trường mạng.



4 Chọn [OK].

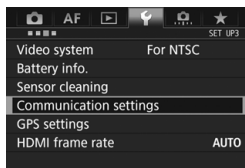
- Thông tin của tập tin thiết lập được tải lên mã số thiết lập đã chọn.

! Mặc dù bạn sử dụng máy tính hoặc các thiết bị khác để lưu hơn mười tập tin thiết lập trên thẻ, vẫn chỉ có mười tập tin sẽ hiển thị trên màn hình tải thiết lập của máy ảnh. Để tải hơn mười tập tin thiết lập, trước hết tải lên mười tập tin thiết lập, rồi tải các tập tin còn lại từ thẻ không bao gồm tập tin thiết lập đã tải.

Màn hình thiết lập chức năng

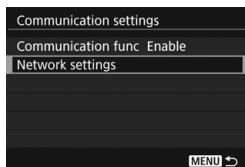
Trên màn hình **[Function settings (Thiết lập chức năng)]**, bạn có thể định cấu hình các thiết lập cho truyền qua FTP và máy chủ WFT, cài đặt chức năng tiết kiệm pin và kiểm tra địa chỉ MAC.

Hiển thị màn hình thiết lập chức năng



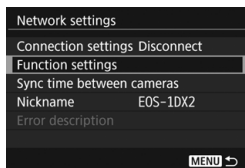
1 Chọn **[Communication settings (Thiết lập giao tiếp)]**.

- Trong tab **[43]**, chọn **[Communication settings (Thiết lập giao tiếp)]**, rồi nhấn **<SET>**.



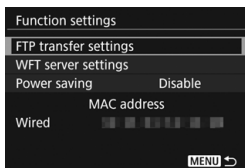
2 Chọn **[Network settings (Thiết lập mạng)]**.

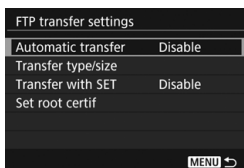
- Đặt **[Communication func (Chức năng giao tiếp)]** thành **[Enable (Bật)]**, rồi chọn **[Network settings (Thiết lập mạng)]**.



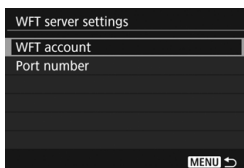
3 Chọn **[Function settings (Thiết lập chức năng)]**.

- Màn hình **[Function settings (Thiết lập chức năng)]** sẽ hiển thị.



[FTP transfer settings (Thiết lập truyền qua FTP)]

Định cấu hình các thiết lập truyền qua FTP. Tham khảo trang 21 để cài đặt.

[WFT server settings (Thiết lập máy chủ WFT)]

Định cấu hình các thiết lập máy chủ WFT. Bạn có thể đặt tài khoản WFT và số cổng.

- Để tìm hiểu hướng dẫn về thiết lập tài khoản WFT, tham khảo trang 44.
- Lưu ý rằng, thông thường không cần phải thay đổi số cổng (80).

[Power saving (Tiết kiệm pin)]

- **Truyền qua FTP**

Khi đặt thành **[Enable (Bật)]**, nếu không có ảnh được truyền trong một khoảng thời gian, Máy ảnh sẽ đăng xuất khỏi máy chủ FTP và dừng mạng LAN. Khi máy ảnh đã sẵn sàng để truyền ảnh, kết nối sẽ được tự động thiết lập lại.

- **EOSUtility/Máy chủ WFT/Smartphone**

Khi đặt thành **[Enable (Bật)]** và không thiết lập giao tiếp trong một khoảng thời gian, tốc độ bộ truyền sẽ giảm xuống để tiết kiệm pin.

[MAC address (Địa chỉ MAC)]

Bạn có thể kiểm tra địa chỉ MAC của máy ảnh. Địa chỉ MAC của máy ảnh sẽ hiển thị trong **[Wired (Có dây)]**.

9

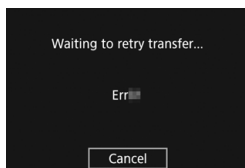
Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực

Xử lý thông báo lỗi

Nếu có lỗi về mạng LAN có dây hiển thị trên màn hình LCD của máy ảnh, tham khảo các ví dụ thao tác chỉnh sửa trong phần này để loại trừ nguyên nhân lỗi. Trong trường hợp xảy ra lỗi, đèn <LAN> trên máy ảnh sẽ nhấp nháy màu đỏ. Bạn có thể xem chi tiết lỗi trong tab [F3] [Communication settings (Thiết lập giao tiếp)] → [Network settings (Thiết lập mạng)] → [Error description (Mô tả lỗi)].

| | | | | |
|------------|------------|------------|------------|------------|
| 11 (tr.89) | 12 (tr.89) | | | |
| 21 (tr.89) | 22 (tr.91) | 23 (tr.92) | 24 (tr.92) | |
| 41 (tr.94) | 42 (tr.96) | 43 (tr.96) | 44 (tr.96) | 45 (tr.97) |
| 46 (tr.98) | 47 (tr.98) | | | |
| 73 (tr.99) | | | | |
| 81 (tr.99) | | | | |
| 91 (tr.99) | | | | |

Nếu thông báo [Waiting to retry transfer... (Đợi để truyền lại...)] xuất hiện



Sau khi chụp, nếu truyền ảnh qua FTP thất bại, màn hình bên trái sẽ hiển thị và đèn <LAN> của máy ảnh nhấp nháy màu đỏ. Kiểm tra số mã lỗi và loại trừ nguyên nhân lỗi.

Sau khi loại trừ nguyên nhân lỗi, các ảnh truyền thất bại trước đó sẽ được tự động truyền lại.

Lưu ý rằng khi hủy truyền ảnh hoặc tắt máy ảnh, ảnh sẽ không được tự động truyền lại. Tham khảo trang 32 và truyền ảnh.

11: Connection target not found (Không tìm thấy kết nối đích)

- Trong trường hợp kết nối với [EOS Utility], EOS Utility đã chạy chưa?
- ▶ Khởi động EOS Utility và thiết lập lại kết nối (tr.40).
- Trong trường hợp kết nối với [Smartphone], Camera Connect đã hoạt động chưa?
- ▶ Thiết lập kết nối bằng Camera Connect (tr.60).

12: Connection target not found (Không tìm thấy kết nối đích)

- Đã bật thiết bị đích và điểm truy cập chưa?
- ▶ Bật nguồn của thiết bị đích và điểm truy cập, rồi chờ trong giây lát. Nếu vẫn không thể thiết lập kết nối, thực hiện quy trình để kết nối lại.

21: No address assigned by DHCP server (Máy chủ DHCP chưa gán địa chỉ nào)

Những điều cần kiểm tra trên máy ảnh

- Trên máy ảnh, địa chỉ IP được đặt thành [Auto setting (Thiết lập tự động)]. Đây có phải là thiết lập chính xác không?
- ▶ Nếu không sử dụng máy chủ DHCP, cần định cấu hình thiết lập sau khi cài đặt địa chỉ IP thành [Manual setting (Thiết lập bằng tay)] trên máy ảnh (tr.106).

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ DHCP

- **Máy chủ DHCP đã bật nguồn chưa?**
 - ▶ Bật nguồn của máy chủ DHCP.
- **Có đủ địa chỉ để máy chủ DHCP gán không?**
 - ▶ Tăng số lượng địa chỉ gán bởi máy chủ DHCP.
 - ▶ Xóa các thiết bị có địa chỉ được gán bởi máy chủ DHCP khỏi mạng để giảm số lượng địa chỉ đang dùng.
- **Máy chủ DHCP có hoạt động chính xác không?**
 - ▶ Kiểm tra thiết lập của máy chủ DHCP để đảm bảo máy chủ DHCP đang hoạt động đúng chức năng.
 - ▶ Liên hệ với quản trị mạng để đảm bảo máy chủ DHCP luôn hoạt động.

Những điều cần kiểm tra về tổng thể mạng

- **Mạng có bộ định tuyến hoặc thiết bị tương tự hoạt động như một cổng vào không?**
 - ▶ Nếu cần thiết, yêu cầu quản trị mạng cung cấp địa chỉ cổng vào mạng và nhập địa chỉ vào máy ảnh (tr.101, 106).
 - ▶ Đảm bảo rằng thiết lập địa chỉ cổng vào được nhập đúng cho tất cả thiết bị mạng, bao gồm cả máy ảnh.

22: No response from DNS server (Máy chủ DNS không phản hồi)

Những điều cần kiểm tra trên máy ảnh

- Trên máy ảnh, địa chỉ DNS được đặt thành [Manual setting (Thiết lập bằng tay)]. Đây có phải là thiết lập chính xác không?
- ▶ Nếu không sử dụng máy chủ DNS, cài đặt thiết lập địa chỉ DNS của máy ảnh thành [Disable (Tắt)] (tr.106).
- Trên máy ảnh, kiểm tra xem thiết lập địa chỉ IP của máy chủ DNS có khớp với địa chỉ IP thực tế của máy chủ không?
- ▶ Trên máy ảnh, thiết lập địa chỉ IP khớp với địa chỉ thực tế của máy chủ DNS được sử dụng (tr.101, 106).

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ DNS

- Máy chủ DNS đã bật nguồn chưa?
- ▶ Bật nguồn của máy chủ DNS.
- Thiết lập địa chỉ IP của máy chủ DNS và các tên tương ứng đã chính xác chưa?
- ▶ Trên máy chủ DNS, đảm bảo rằng địa chỉ IP và các tên tương ứng được nhập đúng.
- Máy chủ DNS có hoạt động chính xác không?
- ▶ Kiểm tra thiết lập của máy chủ DNS để đảm bảo máy chủ DNS đang hoạt động đúng chức năng.
- ▶ Liên hệ với quản trị mạng để đảm bảo máy chủ DNS luôn hoạt động.

Những điều cần kiểm tra về tổng thể mạng

- Mạng có bộ định tuyến hoặc thiết bị tương tự hoạt động như một cổng vào không?
- ▶ Nếu cần thiết, yêu cầu quản trị mạng cung cấp địa chỉ cổng vào mạng và nhập địa chỉ vào máy ảnh (tr.101, 106).
- ▶ Đảm bảo rằng thiết lập địa chỉ cổng vào được nhập đúng cho tất cả thiết bị mạng, bao gồm cả máy ảnh.

23: Duplicate IP address (Địa chỉ IP trùng lặp)

Những điều cần kiểm tra trên máy ảnh

- Có thiết bị nào khác trên mạng máy ảnh sử dụng cùng địa chỉ IP với máy ảnh này không?
- ▶ Thay đổi địa chỉ IP của máy ảnh để tránh sử dụng trùng địa chỉ với thiết bị khác trên mạng. Nếu không, thay đổi địa chỉ IP của thiết bị có địa chỉ IP trùng lặp với máy ảnh.
- ▶ Nếu đặt địa chỉ IP của máy ảnh thành [**Manual setting (Thiết lập bằng tay)**] trong các môi trường mạng sử dụng máy chủ DHCP, thay đổi thiết lập này thành [**Auto setting (Thiết lập tự động)**] (tr.18).

24: No response from proxy server (Máy chủ proxy không phản hồi)

Những điều cần kiểm tra trên máy ảnh

- Thiết lập máy chủ proxy của máy ảnh được đặt thành [**Enable (Bật)**]. Đây có phải là thiết lập chính xác không?
- ▶ Nếu không sử dụng máy chủ proxy, cài đặt thiết lập máy chủ proxy thành [**Disable (Tắt)**] (tr.23).
- Các thiết lập [**Address setting (Thiết lập địa chỉ)**] và [**Port No. (Số cổng)**] của máy ảnh có khớp với thiết lập của máy chủ proxy không?
- ▶ Định cấu hình địa chỉ máy chủ proxy và số cổng của máy ảnh để khớp với thiết lập của máy chủ proxy (tr.23).
- Thiết lập máy chủ proxy của máy ảnh được nhập đúng trên máy chủ DNS chưa?
- ▶ Đảm bảo [**Address (Địa chỉ)**] của máy chủ proxy được nhập đúng vào máy chủ DNS.

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ proxy

- **Đã bật nguồn cho máy chủ proxy chưa?**
 - ▶ Bật nguồn của máy chủ proxy.
- **Máy chủ proxy có hoạt động chính xác không?**
 - ▶ Kiểm tra thiết lập máy chủ proxy để đảm bảo máy chủ proxy đang hoạt động đúng chức năng.
 - ▶ Nếu cần thiết, yêu cầu quản trị mạng cung cấp thiết lập địa chỉ và số cổng của máy chủ proxy, rồi nhập vào máy ảnh.

Những điều cần kiểm tra về tổng thể mạng

- **Mạng có bộ định tuyến hoặc thiết bị tương tự hoạt động như một cổng vào không?**
 - ▶ Nếu cần thiết, yêu cầu quản trị mạng cung cấp địa chỉ cổng vào mạng và nhập địa chỉ vào máy ảnh.
 - ▶ Đảm bảo rằng thiết lập địa chỉ cổng vào được nhập đúng cho tất cả thiết bị mạng, bao gồm cả máy ảnh.

41: Không thể kết nối đến máy chủ FTP

Những điều cần kiểm tra trên máy ảnh

- **Trên máy ảnh, thiết lập địa chỉ IP của máy chủ FTP có khớp với địa chỉ thực tế của máy chủ không?**
 - ▶ Định cấu hình địa chỉ IP trên máy ảnh để khớp với địa chỉ thực tế của máy chủ FTP (tr.22).
- **Trên máy ảnh, [Port number setting (Thiết lập số cổng)] của máy chủ FTP có khớp với số cổng thực tế của máy chủ FTP không?**
 - ▶ Định cấu hình cho số cổng (thường là 21) trên máy ảnh và máy chủ FTP giống nhau. Định cấu hình số cổng trên máy ảnh để khớp với số cổng thực tế của máy chủ FTP (tr.23).
- **Thiết lập máy chủ FTP của máy ảnh được nhập đúng trên máy chủ DNS chưa?**
 - ▶ Đảm bảo [Server name (Tên máy chủ)] của máy chủ FTP được nhập đúng vào máy chủ DNS. Đảm bảo [Server name (Tên máy chủ)] của máy chủ FTP được nhập đúng vào máy ảnh (tr.22).

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ FTP

- **Máy chủ FTP có hoạt động chính xác không?**
 - ▶ Định cấu hình chính xác cho máy tính để vận hành như máy chủ FTP.
 - ▶ Nếu cần thiết, yêu cầu quản trị mạng cung cấp địa chỉ và số cổng của máy chủ FTP, rồi nhập vào máy ảnh.
- **Đã bật nguồn cho máy chủ FTP chưa?**
 - ▶ Bật nguồn của máy chủ FTP. Máy chủ có thể bị tắt do chế độ tiết kiệm pin.
- **Trên máy ảnh, thiết lập địa chỉ IP của máy chủ FTP (trong [Address (Địa chỉ)]) có khớp với địa chỉ thực tế của máy chủ không?**
 - ▶ Định cấu hình địa chỉ IP trên máy ảnh để khớp với địa chỉ thực tế của máy chủ FTP (tr.22).
- **Tường lửa hay phần mềm bảo mật khác có đang bật không?**
 - ▶ Một số phần mềm bảo mật sử dụng tường lửa để hạn chế truy cập vào máy chủ FTP. Thay đổi thiết lập tường lửa để cho phép truy cập vào máy chủ FTP.
 - ▶ Bạn có thể truy cập vào máy chủ FTP bằng cách đặt **[Passive mode (Chế độ thụ động)]** thành **[Enable (Bật)]** trên máy ảnh (tr.81).
- **Bạn có đang kết nối với máy chủ FTP qua bộ định tuyến băng thông rộng không?**
 - ▶ Một số bộ định tuyến băng thông rộng sử dụng tường lửa để hạn chế truy cập vào máy chủ FTP. Thay đổi thiết lập tường lửa để cho phép truy cập vào máy chủ FTP.
 - ▶ Bạn có thể truy cập vào máy chủ FTP bằng cách đặt **[Passive mode (Chế độ thụ động)]** thành **[Enable (Bật)]** trên máy ảnh (tr.81).

Những điều cần kiểm tra về tổng thể mạng

- **Mạng có bộ định tuyến hoặc thiết bị tương tự hoạt động như một cổng vào không?**
- ▶ Nếu cần thiết, yêu cầu quản trị mạng cung cấp địa chỉ cổng vào mạng và nhập địa chỉ vào máy ảnh (tr.101, 106).
- ▶ Đảm bảo rằng thiết lập địa chỉ cổng vào được nhập đúng cho tất cả thiết bị mạng, bao gồm cả máy ảnh.

42: Máy chủ FTP từ chối kết nối

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ FTP

- **Máy chủ FTP có được định cấu hình để chỉ cho phép truy cập từ một số địa chỉ IP nhất định không?**
- ▶ Thay đổi thiết lập máy chủ FTP để cho phép truy cập từ [IP address (Địa chỉ IP)] được định cấu hình trên máy ảnh trong thiết lập TCP/IP.

43: Không thể kết nối đến máy chủ FTP. Mã lỗi nhận từ máy chủ.

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ FTP

- **Đã vượt số điểm kết nối tối đa với máy chủ FTP chưa?**
- ▶ Ngắt kết nối một số thiết bị mạng từ máy chủ FTP hoặc tăng số điểm kết nối tối đa trong thiết lập máy chủ FTP.

44: Không thể ngắt kết nối máy chủ FTP. Mã lỗi nhận từ máy chủ.

- **Lỗi này xảy ra nếu máy ảnh không thể ngắt kết nối với máy chủ FTP vì một số lý do.**
- ▶ Tắt và bật lại máy chủ FTP và máy ảnh.

45: Không thể đăng nhập vào máy chủ FTP. Mã lỗi nhận từ máy chủ.

Những điều cần kiểm tra trên máy ảnh

- Trên máy ảnh, **[Login name (Tên đăng nhập)]** đã được nhập đúng chưa?
 - ▶ Kiểm tra tên đăng nhập để truy cập vào máy chủ FTP. Thiết lập này phân biệt ký tự hoa và viết thường, vì vậy cần kiểm tra kỹ lưỡng các ký tự này. Đảm bảo rằng bạn đã nhập tên đăng nhập chính xác vào máy ảnh (tr.23).
- Trên máy ảnh, **[Login password (Mật mã đăng nhập)]** đã được nhập đúng chưa?
 - ▶ Nếu mật mã đăng nhập được định cấu hình trên máy chủ FTP, kiểm tra ký tự viết hoa và viết thường để đảm bảo rằng mật mã trên máy ảnh khớp với mật mã này (tr.23).

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ FTP

- Quyền sử dụng trên máy chủ FTP có cho phép đọc, ghi và truy cập nhật ký không?
 - ▶ Định cấu hình quyền sử dụng của máy chủ FTP để cho phép đọc, ghi và truy cập nhật ký.
- Thư mục đã chỉ định làm điểm đích truyền trên máy chủ FTP có được đặt tên bằng ký tự ASCII (tr.15) không?
 - ▶ Sử dụng ký tự ASCII để đặt tên thư mục.

46: Mã lỗi nhận từ máy chủ FTP trong khi truyền dữ liệu.

Những điều cần kiểm tra trên máy chủ FTP

- **Máy chủ FTP đã ngắt kết nối.**
- ▶ Khởi động lại máy chủ FTP.
- **Quyền sử dụng trên máy chủ FTP có cho phép đọc, ghi và truy cập nhật ký không?**
- ▶ Định cấu hình quyền sử dụng của máy chủ FTP để cho phép đọc, ghi và truy cập nhật ký.
- **Quyền sử dụng có cho phép truy cập thư mục đích trên máy chủ FTP không?**
- ▶ Định cấu hình quyền sử dụng liên quan đến truy cập thư mục đích trên máy chủ FTP để cho phép lưu ảnh từ máy ảnh.
- **Đã bật nguồn cho máy chủ FTP chưa?**
- ▶ Bật nguồn của máy chủ FTP. Máy chủ có thể bị tắt do chế độ tiết kiệm pin.
- **Ổ cứng của máy chủ FTP đã đầy chưa?**
- ▶ Tăng dung lượng có thể dùng trên ổ cứng.

47: Máy chủ FTP chưa xác nhận hoàn tất truyền tập tin ảnh

- **Nếu xảy ra lỗi này, vì một số lý do, máy ảnh không nhận được xác nhận hoàn tất truyền tập tin ảnh từ máy chủ FTP.**
- ▶ Tắt và bật lại máy chủ FTP và máy ảnh, rồi truyền lại ảnh.

73: Không thể đồng bộ thời gian

- **Bạn có thực hiện đúng quy trình thiết lập kết nối giữa máy ảnh chủ và máy ảnh khách không?**
 - ▶ Thao tác máy ảnh chủ và máy ảnh khách bằng cách thực hiện theo đúng hướng dẫn (tr.68-70).
- **Máy ảnh chủ có cách quá xa máy ảnh khách không?**
 - ▶ Đặt máy ảnh chủ và máy ảnh khách gần nhau hơn.

81: Mất kết nối mạng LAN có dây

- **Cáp LAN có được kết nối chắc chắn không?**
 - ▶ Kết nối lại cáp LAN giữa máy ảnh và máy chủ. Do cáp có thể bị cắt đứt, dùng thử cáp khác để kết nối thiết bị.
- **Đã bật hub hoặc bộ định tuyến chưa?**
 - ▶ Bật hub hoặc bộ định tuyến.
- **Đã bật nguồn cho máy chủ FTP chưa?**
 - ▶ Bật nguồn của máy chủ FTP. Máy chủ có thể bị tắt do chế độ tiết kiệm pin.



91: Lỗi khác

- **Đã xảy ra sự cố có số mã lỗi khác với các số mã lỗi từ 11 đến 81.**
 - ▶ Tắt và bật lại công tắc nguồn của máy ảnh.

Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực

Nếu xảy ra trực trực, trước hết tham khảo phần Hướng dẫn giải quyết các vấn đề trực trực này để kiểm tra máy ảnh và thiết bị đã kết nối. Nếu hướng dẫn không giúp giải quyết được vấn đề, liên hệ với Trung tâm bảo hành gần nhất của Canon.

Không thể truyền ảnh đến máy chủ FTP.

- Để truyền ảnh chụp đến máy chủ FTP, đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành .
- Khi đặt công tắc chụp Live View/quay phim thành , bạn không truyền được ảnh.

Không thể kết nối lại với smartphone.

- Ngay cả với cùng một tổ hợp máy ảnh và smartphone, nếu thay đổi thiết lập hoặc chọn thiết lập khác, bạn có thể không kết nối lại được kể cả khi đã chọn cùng một SSID. Trong trường hợp này, xóa thiết lập kết nối của máy ảnh khỏi thiết lập Wi-Fi trên smartphone và cài đặt lại kết nối.
- Nếu ứng dụng Camera Connect đang hoạt động trong khi thiết lập lại kết nối, việc kết nối có thể sẽ không thực hiện được. Trong trường hợp này, khởi động lại Camera Connect.

Kiểm tra thiết lập mạng

- **Windows**

Mở [**Command Prompt**] trên Windows, rồi gõ `ipconfig/all` và nhấn phím **<Enter>**.

Địa chỉ IP gán cho máy tính, subnet mask, cổng nối và thông tin máy chủ DNS sẽ hiển thị.

- **Mac OS**

Với hệ điều hành Mac OS X, mở ứng dụng [**Terminal**], nhập `ifconfig -a`, rồi nhấn phím **<Return>**. Địa chỉ IP gán cho máy tính được biểu thị trong mục **[en0]** bởi **[inet]**, theo định dạng `"***.***.***.***"`.

*Để tìm hiểu về ứng dụng [**Terminal**], tham khảo trợ giúp về hệ điều hành Mac OS X.

Để tránh sử dụng trùng địa chỉ IP cho máy tính và các thiết bị khác trên mạng, thay đổi số ngoài cùng bên phải khi định cấu hình địa chỉ IP gán cho máy ảnh trong các quy trình trình bày ở trang 106.

Ví dụ: 192.168.1(10)

Bảo mật

Nếu thiết lập bảo mật không được cài đặt cẩn thận, các vấn đề sau có thể xảy ra.

- Truy cập mạng trái phép

Đối tượng thứ ba với ý đồ xấu có thể truy cập trái phép vào mạng của bạn để ăn cắp, sửa đổi hoặc phá hủy thông tin.

Ngoài ra, bạn có thể trở thành nạn nhân của các hình thức truy cập phi pháp khác như giả danh (người nào đó giả danh bạn để truy cập thông tin trái phép) hoặc cầu nối tấn công (người nào đó lợi dụng việc truy cập trái phép thông tin mạng của bạn để làm cầu nối xâm nhập các hệ thống khác).

Để ngăn chặn những vấn đề này xảy ra, hãy chắc chắn bảo mật mạng thật cẩn thận.

[illegible]

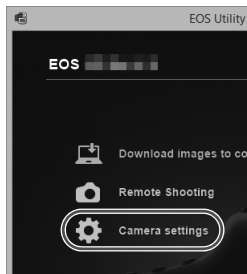
10

Tham khảo

Tạo và đăng ký chú thích

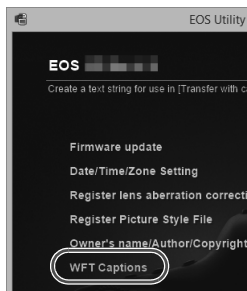
Thực hiện theo các bước này để tạo và đăng ký chú thích trên máy ảnh, như hướng dẫn trong phần “Thêm chú thích trước khi truyền” (tr.36). Khi tạo và đăng ký chú thích, sử dụng máy tính đã cài đặt EOS Utility.

Tham khảo phần “Sử dụng EOS Utility để điều khiển từ xa” ở trang 39 để có thể sử dụng EOS Utility qua mạng LAN.



1 Khởi động EOS Utility và chọn [Camera settings].

- Màn hình thiết lập máy ảnh sẽ hiển thị.



2 Chọn [WFT Captions].

- Màn hình tạo chú thích sẽ hiển thị.

WFT Captions

Register text to use with
[Transfer with caption] feature.

1 Canon

2 1

3 2

4 3

Load settings Apply to camera

Close

3 Nhập chú thích.

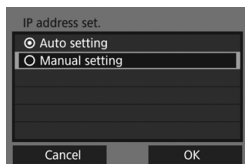
- Nhập tối đa 31 ký tự (ở định dạng ASCII).
- Để lấy dữ liệu chú thích được lưu trong máy ảnh, chọn [**Load settings**].

4 Đăng ký chú thích trên máy ảnh.

- Chọn [**Apply to camera**] để đăng ký chú thích mới trên máy ảnh.

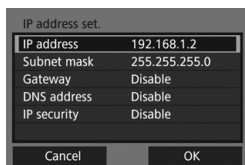
Thiết lập địa chỉ IP bằng tay

Đặt bằng tay thiết lập địa chỉ IP. Các mục hiển thị sẽ khác nhau tùy thuộc vào phương pháp giao tiếp.



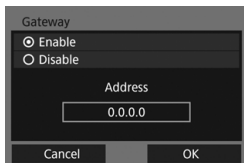
1 Chọn [Manual setting (Thiết lập bằng tay)].

- Chọn [OK] và nhấn <SET> để chuyển sang màn hình tiếp theo.



2 Chọn mục cần thiết lập.

- Chọn mục và nhấn <SET>. Màn hình nhập số sẽ xuất hiện.
- Để sử dụng cổng nối, địa chỉ DNS hoặc IPsec, chọn [Enable (Bật)], chọn [Address (Địa chỉ)], rồi nhấn <SET>.



3 Nhập giá trị mong muốn.

- Xoay nút xoay <ARROW> để di chuyển vị trí nhập trong khu vực phía trên và xoay nút xoay <WHEEL> để chọn số. Nhấn <SET> để nhập số được chọn.
- Để thiết lập giá trị đã nhập và trở về màn hình bước 2, nhấn nút <MENU>.



IP address set.

| | |
|-------------|---------------|
| IP address | 192.168.1.3 |
| Subnet mask | 255.255.255.0 |
| Gateway | Disable |
| DNS address | 162.168.11.1 |
| IP security | Disable |

Cancel OK

4 Chọn [OK].

- Khi hoàn tất thiết lập các mục cần thiết, chọn **[OK]** và nhấn <SET>.
- ▶ Màn hình thiết lập phương pháp giao tiếp sẽ xuất hiện.
- Để tìm hiểu về nội dung cần nhập, tham khảo phần “Kiểm tra thiết lập mạng” (tr.101), hoặc tham vấn quản trị mạng hay người am hiểu mạng.

Thông số kỹ thuật của mạng LAN có dây

■ Mạng LAN có dây

Ethernet: 1000BASE-T, 100BASE-TX, 10BASE-T
Bảo mật: IPsec

■ Chức năng mạng LAN

Truyền qua FTP: Truyền tự động
Chọn và truyền ảnh
Sử dụng nút SET để truyền
Truyền có chú thích
* Hỗ trợ FTPS

EOS Utility: Chức năng điều khiển từ xa EOS Utility qua mạng LAN có dây

Máy chủ WFT: Camera control, Simple control
Xem và tải ảnh

Smartphone: Có thể sử dụng smartphone để xem, điều khiển và nhận ảnh
Có thể sử dụng smartphone để điều khiển máy ảnh từ xa

Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh: Đồng bộ giờ trên tối đa 10 máy ảnh khách với máy ảnh chủ
Chênh lệch với máy ảnh chủ: Khoảng ± 0.05 giây
* Đồng bộ giờ máy ảnh giữa các máy ảnh có cùng model.

■ Số ảnh có thể chụp

Số ảnh có thể chụp trong khi [Automatic transfer (Truyền tự động)] (Số ảnh ước chừng)

| Nhiệt độ | Nhiệt độ bình thường (23°C / 73°F) | Nhiệt độ thấp (0°C / 32°F) |
|--------------------|---------------------------------------|-------------------------------|
| Số ảnh có thể chụp | 1050 | 900 |

* Số liệu trên dựa trên điều kiện Pin LP-E19 được sạc đầy, khi [Power saving (Tiết kiệm pin)] được bật và tiêu chuẩn thử nghiệm của CIPA (Camera & Imaging Products Association).

- Tất cả dữ liệu ở trên đều căn cứ theo các tiêu chuẩn thử nghiệm của Canon cũng như tiêu chuẩn thử nghiệm và hướng dẫn của CIPA (Camera & Imaging Products Association).

Nhãn hiệu

- Microsoft và Windows là các nhãn hiệu thuộc quyền hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Microsoft Corporation tại Hoa Kỳ và/hoặc các quốc gia khác.
- Macintosh và Mac OS là các nhãn hiệu đã đăng ký của Apple Inc. tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- UPnP là nhãn hiệu của UPnP Implementers Corporation.
- Các nhãn hiệu khác thuộc sở hữu của các hãng tương ứng.

[illegible]

[illegible]

[illegible]

Chỉ mục

A

| | |
|---------------------|----|
| Ảnh có thể xem..... | 64 |
| Ảnh đã truyền..... | 37 |

B

| | |
|-------------------------|-------|
| Bàn phím..... | 15 |
| Bảo mật IP (IPsec)..... | 79 |
| Bộ định tuyến..... | 8, 18 |

C

| | |
|----------------------------------|----------------|
| Camera Connect..... | 11, 62 |
| Camera control (Chụp từ xa)..... | 51 |
| Chế độ FTP..... | 22 |
| Chế độ tự động..... | 81 |
| Chọn thư mục..... | 24 |
| Chú thích..... | 36, 104 |
| Chụp từ xa..... | 42, 51, 56, 62 |
| Cổng nối..... | 106 |

D

| | |
|-----------------------------------|---------|
| Địa chỉ DNS..... | 106 |
| Địa chỉ IP..... | 18, 106 |
| Địa chỉ MAC..... | 40, 86 |
| Đồng bộ giờ giữa các máy ảnh | 11, 67 |

E

| | |
|------------------|------------|
| EOS Utility..... | 10, 39, 42 |
|------------------|------------|

F

| | |
|-----------|----|
| FTPS..... | 22 |
|-----------|----|

G

| | |
|--------------------------------------|----|
| Ghép đôi..... | 40 |
| Ghi đề tập tin cùng tên..... | 80 |
| Giải quyết các vấn đề trực trực..... | 87 |

J

| | |
|-----------|----|
| JPEG..... | 30 |
|-----------|----|

K

| | |
|------------------|----|
| Kết nối lại..... | 73 |
|------------------|----|

L

| | |
|---------------------|----|
| Lịch sử truyền..... | 33 |
|---------------------|----|

M

| | |
|----------------------|--------|
| Mã số cổng..... | 23 |
| Mạng..... | 7 |
| Mạng LAN có dây..... | 17 |
| Máy ảnh chủ..... | 69 |
| Máy ảnh khách..... | 69 |
| Máy chủ DHCP..... | 18 |
| Máy chủ DNS..... | 101 |
| Máy chủ FTP..... | 21 |
| Máy chủ proxy..... | 23 |
| Máy chủ WFT..... | 10, 43 |
| Mật mã..... | 44 |

P

| | |
|----------------------------|------------|
| Phím..... | 50, 55, 57 |
| Phương pháp đăng nhập..... | 23 |

R

| | |
|---------------|----|
| RAW..... | 30 |
| RAW+JPEG..... | 30 |

S

| | |
|----------------------------------|----------|
| Simple control (Chụp từ xa)..... | 56 |
| Smartphone..... | 11, 59 |
| Số ảnh có thể chụp..... | 108 |
| Subnet mask..... | 101, 106 |

T

| | |
|--------------------------|--------|
| Tài khoản (WFT)..... | 44, 85 |
| TCP/IP..... | 78 |
| Tên..... | 13 |
| Tên đăng nhập..... | 44 |
| Thiết lập..... | 82 |
| Lưu..... | 82 |
| Tải..... | 83 |
| Thiết lập chức năng..... | 84 |
| Thông báo lỗi..... | 88 |

| | |
|-------------------------------|------------|
| Thư mục | 24, 37 |
| Thư mục đích..... | 24, 37, 80 |
| Trình duyệt..... | 10, 47 |
| Trình duyệt web | 10, 47 |
| Trình hướng dẫn kết nối | 16 |
| Truyền ảnh..... | 21 |
| Truyền ảnh riêng lẻ..... | 27 |
| Truyền ảnh tự động | 27 |
| Truyền lại | 31 |
| Truyền một loạt..... | 32 |
| Truyền qua FTP | 9, 21 |
| Truyền sau khi chụp | 32 |
| Truyền với SET | 29 |
| Tự động tắt nguồn | 16 |

U

| | |
|----------|----|
| URL..... | 47 |
|----------|----|

X

| | |
|----------------|--------|
| Xác thực | 79 |
| Xem ảnh | 49, 62 |

GHI NHỚ

[illegible]



Những mô tả trong hướng dẫn sử dụng này được cập nhật cho đến tháng 1 năm 2016. Để tìm hiểu thông tin về tính tương thích với các sản phẩm mới hơn, vui lòng liên hệ Trung tâm bảo hành của Canon. Tham khảo trang web của Canon để có hướng dẫn sử dụng phiên bản mới nhất.